

**MỤC LỤC**

**LỜI MỞ ĐẦU** ..... 1

**PHẦN I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG** ..... 6

1.1. Lý luận chung về thuế giá trị gia tăng ..... 6

1.1.1 Khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của thuế giá trị gia tăng ..... 6

1.1.2. Vai trò và đặc điểm của thuế giá trị gia tăng ..... 7

1.1.3. Cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng ..... 8

1.2. Các qui định của thuế giá trị gia tăng ..... 8

1.2.1. Đối tượng chịu thuế ..... 8

1.2.2. Đối tượng nộp thuế ..... 9

1.2.3. Đối tượng không chịu thuế ..... 9

1.2.4. Căn cứ và phương pháp tính thuế ..... 10

1.3. Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng ..... 13

1.3.1. Phương pháp khấu trừ thuế ..... 13

1.3.2. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng ..... 16

1.4. Thủ tục kê khai thuế, nộp thuế ..... 18

1.4.1 Kê khai thuế ..... 18

1.4.3. Hoàn thuế ..... 19

1.5.1. Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng ..... 20

1.5.2. Chứng từ kế toán sử dụng ..... 22

1.5.3. Tài khoản kế toán sử dụng ..... 22

1.5.4. Trình tự kế toán ..... 30

1.5.5. Tổ chức sổ sách kế toán ..... 32

**PHẦN II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINASHINE** ..... 34

2.1. Giới thiệu khái quát về công ty Cổ phần Vinashine ..... 34

2.1.1. Giới thiệu về công ty Cổ phần Vinashine ..... 34

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh ..... 34

2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty ..... 35

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý .....	36
Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty .....	36
2.2. Tình hình thực hiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty Cổ phần Vinashine .....	41
2.2.1. Các mức thuế suất được áp dụng .....	41
2.2.2. Hạch toán ban đầu .....	41
2.2.3. Quy trình lập tờ khai thuế giá trị gia tăng .....	48
2.2.4. Một số qui định chung, nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng .....	61
2.2.5. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán .....	66
<b>PHẦN III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINASHINE .....</b>	<b>69</b>
3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty Cổ phần Vinashine .....	69
3.1.1. Ưu điểm .....	69
3.1.2. Nhược điểm .....	71
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty Cổ phần Vinashine .....	72
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng .....	72
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng .....	73
3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty Cổ phần Vinashine .....	74
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>82</b>

## **DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

GTGT	: Giá trị gia tăng
NSNN	: Ngân sách nhà nước
HH	: Hàng hóa
DV	: Dịch vụ
XNK	: Xuất nhập khẩu
NK	: Nhập khẩu
CSKD	: Cơ sở kinh doanh
TTDB	: Tiêu thụ đặc biệt
HĐ	: Hóa đơn
VNĐ	: Việt Nam đồng
CP	: Cổ phần
TK	: Tài khoản

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây khi mà toàn cầu hoá trở thành xu thế chung của thời đại thì bất kỳ một đất nước nào muốn có điều kiện phát triển đều phải tham gia vào tiến trình hội nhập đó của thế giới. Nó bao trùm, ảnh hưởng tới hầu hết mọi lĩnh vực hoạt động của quốc gia. Đối với một nước đang phát triển như Việt Nam thì việc nhận thức được tầm quan trọng của việc hoàn thiện, cải tiến các chính sách kinh tế, xã hội đặc biệt là các chính sách thuế là một yêu cầu cấp thiết.

Nền kinh tế quốc tế hoá đang mở ra rất nhiều cơ hội cũng như những thách thức, khó khăn đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Để có thể tồn tại và khẳng định được vị trí của mình trên thị trường, các doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới máy móc, thiết bị nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người tiêu dùng trong nước cũng như ngoài nước. Bên cạnh đó các doanh nghiệp còn phải có sự thích ứng linh hoạt với những sự thay đổi, hoàn thiện của các chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là chính sách thuế bởi đây là chính sách tác động trực tiếp đến việc lựa chọn, quyết định tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vào nền kinh tế.

Trước hoàn cảnh đó công tác tổ chức kế toán thuế GTGT trong doanh nghiệp là một nhân tố rất quan trọng góp phần tăng cường sự ổn định và phát triển của doanh nghiệp trong nền kinh tế. Nó giúp doanh nghiệp có được cái nhìn sâu sắc, toàn diện hơn về các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp lựa chọn cho mình những lĩnh vực kinh doanh phù hợp, mang lại hiệu quả cao. Vì vậy công tác kế toán thuế GTGT trong doanh nghiệp cần phải được thực hiện một cách thận trọng và chính xác, đảm bảo cho doanh nghiệp có cái nhìn đúng đắn về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và xây dựng cho mình một chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán thuế GTGT trong doanh nghiệp, cùng với những kiến thức đã được học ở trường và qua thời gian thực tập, em đã quyết định lựa chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty Cổ phần Vinashine”***

Nội dung của đề tài gồm 3 phần chính như sau:

***Phần I: Lý luận chung về thuế giá trị gia tăng và tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng***

***Phần II: Thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty Cổ phần Vinashine***

***Phần III: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty Cổ phần Vinashine***

Được sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo Th.s Đồng Thị Nga và các anh chị trong phòng kế toán công ty Cổ phần Vinashine, em đã hoàn thành chuyên đề này. Với kiến thức tích lũy còn hạn chế, phạm vi đề tài rộng và thời gian thực tế chưa nhiều nên bài khó tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo, các anh chị trong phòng kế toán công ty để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

## **PHẦN I:**

### **LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

#### **1.1. Lý luận chung về thuế giá trị gia tăng**

##### **1.1.1 Khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của thuế giá trị gia tăng**

Năm 1918, một người Đức tên là Carlriedrich Von Siemens, là thành viên gia đình sáng lập tập đoàn Siemens A – S, tập đoàn sản xuất hàng kim khí điện máy lớn nhất nước Đức lúc bấy giờ đã đưa ra khái niệm thuế GTGT và đề xuất với Chính phủ Đức đưa vào áp dụng thay cho thuế thương vụ đa bậc (thuế doanh thu) lúc bấy giờ. Tuy nhiên, Chính phủ Đức đã không áp dụng loại thuế này vì e ngại những xáo trộn do thuế GTGT gây ra cho nền kinh tế bởi tính phức tạp của loại thuế này. Do đó sáng kiến của ông đã phần nào bị lãng quên trong một khoảng thời gian dài.

Năm 1920, thuế doanh thu được áp dụng cho tất cả các khâu của quá trình lưu thông hàng hóa, dịch vụ tại Pháp. Cách tính thuế này đã tạo ra nguồn thu lớn cho NSNN Pháp nhưng đồng thời đã làm phát sinh tình trạng “thuế chồng thuế” vì số thuế nộp trùng lặp nhiều lần qua mỗi khâu lưu thông. Năm 1936, Pháp cải tiến thuế doanh thu chỉ đánh một lần vào công đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất (tức là sản phẩm được chuyển sang khâu lưu thông lần đầu tiên). Tuy nhiên, hiện tượng trùng lặp thuế được khắc phục nhưng tốc độ thu thuế chậm. Năm 1948, thuế doanh thu tiếp tục được hoàn thiện đánh vào từng công đoạn của quá trình sản xuất và thuế phải nộp giai đoạn sau được trừ số thuế đã nộp giai đoạn trước. Bước đầu, cách tính này chỉ áp dụng cho ngành công nghiệp và chỉ cho khấu trừ thuế đã nộp đối với nguyên vật liệu. Đến năm 1954, ông Maurice Laure, một viên chức thuế Pháp đã hoàn chỉnh đạo Luật thuế GTGT, thuế GTGT chính thức ra đời 10/4/1954. Với những ưu điểm vượt trội, dần dần thuế GTGT đã được áp dụng tại hơn 130 quốc gia trên thế giới.

Tại Việt Nam, chính quyền Sài Gòn đã áp dụng thuế GTGT vào năm 1973 sau khi áp dụng và sửa đổi một số sắc thuế như thuế Khiêm ước, thuế Song hành. Đến 1975, khi Miền nam hoàn toàn giải phóng, luật thuế này đã bị bãi bỏ.

Năm 1993, thuế GTGT áp dụng thí điểm cho 10 doanh nghiệp (chủ yếu là doanh nghiệp ngành mía đường và doanh nghiệp quốc doanh) nhưng chương trình thí điểm đã thất bại. Trước nhu cầu bức bách của hội nhập kinh tế, 01/01/1999 thuế GTGT được áp dụng tại Việt Nam sau một thời gian nghiên cứu soạn thảo và học hỏi kinh nghiệm từ các nước trong khu vực và thế giới.

Thuế GTGT có tên gọi tiếng Pháp “Taxe sur la valeur Ajoutee”, theo tiếng Anh “Value – Added Tax – VAT” là một trong những loại thuế gián thu hiện đại. Theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu đánh trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào Ngân sách Nhà nước theo mức độ tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ.

### **1.1.2. Vai trò và đặc điểm của thuế giá trị gia tăng**

#### **1.1.2.1. Đặc điểm của thuế GTGT**

- Thuế GTGT là một loại thuế gián thu
- Thuế GTGT thu ở tất cả các giai đoạn từ sản xuất đến tiêu dùng
- Tổng số thuế ở mỗi giai đoạn chính bằng số thuế mà người tiêu dùng hoặc dịch vụ cuối cùng phải chịu
  - Thuế GTGT chỉ tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ do vậy tránh được trùng lặp thuế

#### **1.1.2.2. Vai trò của thuế GTGT**

- Thuế GTGT là một loại thuế “hiện đại điển hình” mang tính khoa học rất cao
- Góp phần đảm bảo nguồn thu quan trọng và tương đối ổn định cho NSNN
- Tác động thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, thúc đẩy lưu thông hàng hóa, khuyến khích xuất khẩu khắc phục việc thu trùng lặp của thuế doanh thu
  - Tăng cường công tác kế toán và thúc đẩy việc thực hiện mua bán hàng hóa có hóa đơn, chứng từ
  - Góp phần thực hiện hệ thống chính sách thuế ở nước ta phù hợp với sự vận động và tăng trưởng của nền kinh tế thị trường, tạo điều kiện mở rộng hợp

tác kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới

### **1.1.3. Cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng**

Cơ sở của thuế giá trị gia tăng chính là phần giá trị tăng thêm của sản phẩm do cơ sở sản xuất, kinh doanh mới sáng tạo ra chưa bị đánh thuế. Nói cách khác, cơ sở của thuế giá trị gia tăng là khoản chênh lệch giữa giá mua và giá bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ. Do đó cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Một trong những nguyên tắc cơ bản của thuế giá trị gia tăng là sản phẩm, hàng hoá dù qua nhiều khâu hay ít khâu từ sản xuất đến tiêu dùng đều chịu thuế như nhau.

- Thuế giá trị gia tăng có điểm cơ bản khác với thuế doanh thu là chỉ có người bán hàng (dịch vụ) lần đầu phải nộp thuế giá trị gia tăng trên toàn bộ doanh thu bán hàng (cung ứng dịch vụ). Còn người bán hàng (dịch vụ) ở các khâu tiếp theo đối với hàng hoá (dịch vụ) đó, chỉ phải nộp thuế trên phần giá trị tăng thêm.

- Thuế giá trị gia tăng không chịu ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất kinh doanh của đối tượng nộp thuế, không phải là yếu tố của chi phí mà đơn thuần là một khoản được cộng thêm vào giá bán của đối tượng cung cấp hàng hoá, dịch vụ.

- Thuế giá trị gia tăng do người tiêu dùng chịu nhưng không phải do người tiêu dùng trực tiếp nộp mà là do người bán sản phẩm (hoặc dịch vụ) nộp thay vào kho bạc Nhà nước, do trong giá bán hàng hoá (hoặc trong dịch vụ) có cả thuế giá trị gia tăng.

## **1.2. Các qui định của thuế giá trị gia tăng**

### **1.2.1. Đối tượng chịu thuế**

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT nêu tại Mục II, Phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ tài chính.



### **1.2.2. Đối tượng nộp thuế**

Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu)

### **1.2.3. Đối tượng không chịu thuế**

Có 25 loại hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT được phân làm 4 nhóm sau:

- **Nhóm 1:** Hàng hoá dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu của cộng đồng.

Ví dụ: Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư; duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ. Các dịch vụ nêu tại điểm này không phân biệt nguồn kinh phí chi trả.

- **Nhóm 2:** Hàng hoá dịch vụ đang khuyến khích hoặc cần được khuyến khích.

Ví dụ 2: Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học-kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; in tiền.

Báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, bao gồm cả hoạt động truyền trang báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành.

- **Nhóm 3:** Đối tượng nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất.

Ví dụ: Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê. Chuyển quyền sử dụng đất.

- **Nhóm 4:** Khoáng sản khai thác chưa chế biến đem xuất khẩu

Ví dụ: Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến.

## **1.2.4. Căn cứ và phương pháp tính thuế**

### **1.2.4.1. Căn cứ tính thuế**

Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất

$$\text{Thuế GTGT} = \text{Số lượng} \times \text{Giá tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

### **1.2.4.2. Giá tính thuế**

*Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ được xác định cụ thể như sau:*

*(Nguyên tắc: giá tính thuế là giá chưa có thuế GTGT)*

- 1) Đối với HHDV do CS SXKD bán ra hoặc cung ứng cho đối tượng khác:

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT ghi trên hoá đơn

- 2) Đối với HH nhập khẩu:

Giá tính thuế = giá NK+ thuế NK + thuế TTĐB (nếu có)

- 3) Đối với HHDV chịu thuế TTĐB:

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT + thuế TTĐB

- 4) Đối với HH bán theo phương thức trả góp, trả chậm:

Giá tính thuế = giá bán trả 1 lần chưa VAT (không bao gồm lãi trả góp, trả chậm)

- 5) Đối với DV đại lý tàu biển, môi giới, ủy thác XNK và Dịch vụ khác hưởng tiền công, hoa hồng:

Giá tính thuế = giá tiền công (hoa hồng) được hưởng chưa có VAT

- 6) Đối với HHDV dùng để trao đổi biểu tặng hoặc trả thay lương

Giá tính thuế = giá tính thuế của HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh hoạt động

- 7) Đối với DV cho thuê tài sản:

Giá tính thuế = số tiền thuê từng kỳ hoặc thu trước

- 8) Đối với HHDV cơ sở KD xuất để tiêu dùng, không phục vụ SXKD hoặc dùng SXKD HHDV không chịu VAT:

Giá tính thuế = giá bán HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh việc tiêu dùng

- 9) Đối với hoạt động in

Giá tính thuế = tiền công in (có thể gồm cả tiền giấy in)

10) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

$$\text{Giá tính thuế} = \text{giá bán} - \text{tiền sử dụng đất}$$

11) Đối với DV du lịch theo hình thức lữ hành, trọn gói (ăn, ở, đi lại)

$$\text{Giá tính thuế} = (\text{giá trọn gói} - \text{chi phí thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT}) / (1 + \text{thuế suất})$$

12) Đối với các HHDV sử dụng hoá đơn đặc thù:

$$\text{Giá tính thuế} = \text{giá bán} / (1 + \text{thuế suất})$$

### **1.2.4.3. Thuế suất**

**1.2.4.3.1. Thuế suất 0%:** HHDV xuất khẩu và được coi như xuất khẩu và một số dịch vụ khác

- Hàng hoá xuất khẩu, bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu, bán cho các doanh nghiệp chế xuất và các trường hợp được coi là xuất khẩu.

- Dịch vụ xuất khẩu và dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để sử dụng cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trừ các dịch vụ sử dụng cho tiêu dùng cá nhân (Dịch vụ vận chuyển đưa đón cán bộ công nhân viên, cung cấp suất ăn cho cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp chế xuất...)

- Vận tải quốc tế.

**1.2.4.3.2. Thuế suất 5%:** HHDV thiết yếu phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng (15 nhóm)

1) Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác thuộc diện áp dụng mức thuế suất 10%.

2) Phân bón; quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.

3) Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.

4) Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

5) Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc

chỉ qua sơ chế làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt lát, ướp muối, bảo quản lạnh và các hình thức bảo quản thông thường khác ở khâu kinh doanh thương mại.

6) Mủ cao su sơ chế như mủ cờ rệp, mủ tờ, mủ bún, mủ côm; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá .

7) Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại, trừ gỗ, măng.

8) Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm giẻ đường, bã mía, bã bùn.

9) Sản phẩm bằng đay, cói, tre, song, mây, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp.

10) Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

11) Thiết bị, dụng cụ y tế gồm máy móc và dụng cụ chuyên dùng cho y tế như: các loại máy soi, chiếu, chụp dùng để khám, chữa bệnh; các thiết bị, dụng cụ chuyên dùng để mổ ...

12) Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học.

13) Hoạt động văn hoá, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim.

14) Đồ chơi cho trẻ em; Sách các loại, trừ sách không chịu thuế GTGT nêu tại phần trên.

15) Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn, không bao gồm trò chơi trực tuyến và dịch vụ giải trí trên Internet.

**1.2.4.3.3. Thuế suất 10%:** Hàng hóa dịch vụ thông thường còn lại

### **1.3. Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng**

Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo một trong hai phương pháp: phương pháp khấu trừ thuế và phương pháp tính trực tiếp trên GTGT

Đối tượng áp dụng và việc xác định thuế phải nộp theo từng phương pháp như sau:

#### **1.3.1. Phương pháp khấu trừ thuế**

**1.3.1.1. Đối tượng:** áp dụng đối với các đơn vị thực hiện tốt chế độ kế toán, sử dụng hoá đơn giá trị gia tăng và không thuộc đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp trực tiếp.

#### **1.3.1.2. Công thức xác định:**

**Thuế phải nộp = Thuế đầu ra - thuế đầu vào được khấu trừ**

- Thuế đầu ra = Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra x Thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ đó.
- Thuế đầu vào được khấu trừ = Giá tính thuế của hàng hoá dịch vụ mua vào chịu thuế x Thuế suất thuế giá trị gia tăng.

##### 1) Xác định thuế giá trị gia tăng đầu ra:

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ khi bán hàng hoá dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải tính và thu thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ bán ra. Khi lập hóa đơn bán hàng phải ghi rõ giá bán chưa thuế, thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền người mua phải thanh toán

Trường hợp hóa đơn chỉ ghi giá thanh toán, không ghi giá chưa thuế và thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hóa đơn chứng từ.

Trường hợp hóa đơn ghi sai mức thuế suất mà CSKD bán HHDV chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế phát hiện thì xử lý như sau:

- Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ > mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên HĐ
- Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ < mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất quy định

##### 2) Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng để sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng cho cả sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế giá trị gia tăng => chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng.

Tài sản cố định dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thì được khấu trừ toàn bộ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, tài sản cố định mua vào bị tổn thất, hỏng hóc do thiên tai, hoả hoạn ... nếu xác định được người phải bồi thường thì thuế giá trị gia tăng đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường, không được khấu trừ.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn trong kho. Trong trường hợp chưa kịp kê khai trong tháng thì được khai khấu trừ vào các tháng tiếp theo, tối đa là 6 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá (gồm cả mua ngoài và doanh nghiệp tự sản xuất ra) mà doanh nghiệp sử dụng để khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá chịu thuế giá trị gia tăng thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Không khấu trừ VAT đầu vào khi **hoá đơn GTGT không đúng quy định** (không ghi thuế GTGT, ghi sai tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn ghi không đúng giá trị thực của HHDV mua bán, trao đổi).

Nếu hàng hoá dịch vụ mua vào sử dụng đồng thời cho cả hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế giá trị gia tăng thì được xử lý như sau:

- Nếu cơ sở sản xuất kinh doanh hạch toán riêng được thì chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng

hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng .

- Nếu không hạch toán riêng được thì số thuế đầu vào được khấu trừ xác định theo tỷ lệ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào:

Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào = Doanh thu chịu thuế GTGT / Tổng doanh thu tiêu thụ trong kỳ

⇒ Số thuế GTGT = Tổng số thuế GTGT x Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT

### **1.3.1.3. Điều kiện khấu trừ thuế**

a) Có hoá đơn giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng hàng hoá ở khâu nhập khẩu, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp mua dịch vụ

b) Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

- Đối với hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị trên 20 triệu đồng, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ, hoá đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán qua ngân hàng của hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ.

- Hàng hoá, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra cũng được coi là thanh toán qua ngân hàng; trường hợp sau khi bù trừ mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

- Trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ của một nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu đồng, nhưng mua nhiều lần trong cùng ngày có tổng giá trị trên 20 triệu

đồng thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

### **1.3.2. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng**

#### **1.3.2.1. Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT áp dụng đối với các đối tượng sau đây:**

a) Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

c) Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý và hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì phải hạch toán riêng được hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý để áp dụng theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT

#### **1.3.2.2. Xác định thuế GTGT phải nộp**

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT bằng GTGT của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ đó.

a) Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ được xác định bằng giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra trừ (-) giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra là giá thực tế bán ghi trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ, bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào được xác định bằng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.



Giá trị gia tăng xác định đối với một số ngành nghề kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh số bán với doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất, kinh doanh. Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán được doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng với doanh số hàng bán ra thì xác định như sau:

Giá vốn hàng bán ra bằng (=) Doanh số tồn đầu kỳ, cộng (+) doanh số mua trong kỳ, trừ (-) doanh số tồn cuối kỳ.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là số chênh lệch giữa tiền thu về xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình trừ (-) chi phí vật tư nguyên liệu, chi phí động lực, vận tải, dịch vụ và chi phí khác mua ngoài để phục vụ cho hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình.

- Đối với hoạt động vận tải là số chênh lệch giữa tiền thu cước vận tải, bốc xếp trừ (-) chi phí xăng dầu, phụ tùng thay thế và chi phí khác mua ngoài dùng cho hoạt động vận tải.

- Đối với hoạt động kinh doanh ăn uống là số chênh lệch giữa tiền thu về bán hàng ăn uống, tiền phục vụ và các khoản thu khác trừ (-) giá vốn hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng cho kinh doanh ăn uống.

- Đối với hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ, giá trị gia tăng là số chênh lệch giữa doanh số bán ra vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ trừ (-) giá vốn của vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ bán ra.

- Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế có kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, cơ sở phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào để kê khai thuế GTGT phải nộp của hàng hoá, dịch vụ theo từng hoạt động kinh doanh và phương pháp tính thuế riêng.

Trường hợp không hạch toán được riêng thì được xác định phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với tỷ lệ doanh thu của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế trên tổng doanh thu bán hàng phát sinh trong kỳ.

- Đối với các hoạt động kinh doanh khác là số chênh lệch giữa tiền thu về hoạt động kinh doanh trừ (-) giá vốn của hàng hóa, dịch vụ mua ngoài để thực hiện hoạt động kinh doanh đó.

- Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT không được tính giá trị tài sản mua ngoài, đầu tư, xây dựng làm tài sản cố định vào doanh số hàng hóa, dịch vụ mua vào để tính giá trị gia tăng.

b) Đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ có đầy đủ hoá đơn của hàng hóa, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không có đủ hoá đơn mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào thì GTGT được xác định bằng doanh thu nhân (x) với tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu.

Tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu làm căn cứ xác định giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Thương mại (phân phối, cung cấp hàng hoá): 10%.
- Dịch vụ, xây dựng (trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%.
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%.

c) Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế theo tỷ lệ (%) GTGT do Bộ Tài chính quy định.

#### **1.4. Thủ tục kê khai thuế, nộp thuế**

##### **1.4.1 Kê khai thuế**

- Các cơ sở kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải có trách nhiệm lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng kèm theo bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra theo mẫu qui định .

- Đối với các cơ sở kinh doanh nhập khẩu, mỗi lần phát sinh hoạt động nhập khẩu, cơ sở phải có trách nhiệm kê khai, nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu cho cơ quan hải quan thu thuế tại cửa khẩu nhập.

- Đối với các cơ sở kinh doanh buôn chuyển phải kê khai và nộp thuế GTGT theo từng chuyển hàng cho cơ quan thuế nơi mua hàng trước khi vận chuyển hàng đi tiêu thụ.

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hoá dịch vụ có mức thuế suất thuế GTGT khác nhau phải kê khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất qui định đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ, nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hoá, dịch vụ mà cơ sở có sản xuất, kinh doanh.

#### **1.4.2. Nộp thuế**

- Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo thông báo của cơ quan thuế thì thời hạn nộp thuế của tháng chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp theo.

- Đối với cơ sở kinh doanh có số thuế phải nộp hàng tháng lớn thì cơ sở phải tạm nộp thuế theo định kỳ 10-15 ngày một lần và trong thời hạn qui định (Theo thông báo của cơ quan thuế) cơ sở phải nộp đủ số thuế phải nộp trong tháng.

#### **1.4.3. Hoàn thuế**

Theo Luật thuế GTGT thì các cơ sở sản xuất kinh doanh, người nhập khẩu được hoàn thuế GTGT trong các trường hợp sau:

a. Các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được hoàn thuế trong các trường hợp sau:

- Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng trở lên có lũy kế số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra.

- Các cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá xuất khẩu, nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng tháng.

b. Các cơ sở kinh doanh mới thành lập thuộc đối tượng đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng chưa có doanh thu bán hàng, chưa có thuế GTGT đầu ra để khấu trừ với thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, vật tư, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên thì sẽ được xem xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm. Số thuế GTGT đầu vào của TSCĐ, vật tư được hoàn có giá trị

lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng quý.

c. Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sát nhập, giải thể, chia tách ...có số thuế GTGT nộp thừa thì có quyền đề nghị hoàn thuế .

d. Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

e. Tổ chức cá nhân ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hoá dịch vụ tại Việt Nam.

## **1.5. Kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp**

### **1.5.1. Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng**

#### **1.5.1.1. Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng nói chung**

- Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh.
- Kiểm tra đối chiếu hoá đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra của từng cơ sở.
- Kiểm tra đối chiếu bảng kê khai hồ sơ xuất khẩu.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra của toàn Công ty, phân loại theo thuế suất.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu vào của toàn Công ty theo tỉ lệ phân bổ đầu ra được khấu trừ.
- Theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách, hoàn thuế của Công ty.
- Cùng phối hợp với kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán.
- Lập hồ sơ ưu đãi đối với dự án đầu tư mới, đăng ký phát sinh mới hoặc điều chỉnh giảm khi có phát sinh.
- Lập hồ sơ hoàn thuế khi có phát sinh.
- Lập báo cáo tổng hợp thuế theo định kỳ hoặc đột xuất ( nhóm thuế suất, đơn vị cơ sở ).
- Kiểm tra hoá đơn đầu vào ( sử dụng đèn cực tím ) đánh số thứ tự để dễ truy tìm, phát hiện loại hoá đơn không hợp pháp thông báo đến cơ sở có liên quan.

- Hàng tháng đóng chứng từ báo cáo thuế của cơ sở, toàn Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn thể để báo cáo Cục thuế.
- Lập bảng kê danh sách lưu trữ, bảo quản hoá đơn thuế GTGT theo thời gian, thứ tự số quyển không để hư hỏng thất thoát.
- Kiểm tra đối chiếu biên bản trả, nhận hàng để điều chỉnh doanh thu báo cáo thuế kịp thời khi có phát sinh.
- Cập nhật kịp thời các thông tin về Luật thuế, soạn thông báo các nghiệp vụ quy định của Luật thuế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cơ sở biết thực hiện.
- Lập kế hoạch thuế GTGT, thu nhập doanh nghiệp, nộp ngân sách.
- Yêu cầu chấp hành nguyên tắc bảo mật.
- Cập nhật theo dõi việc giao nhận hoá đơn ( mở sổ giao và ký nhận ).
- Theo dõi tình hình giao nhận hoá đơn các đơn vị cơ sở.
- Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn trong kỳ.
- Cập nhật và lập giấy báo công nợ các đơn vị cơ sở.

#### **1.5.1.2. Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng nói riêng**

- Thứ nhất: Theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng. Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hoá đơn GTGT.
- Thứ hai: Lập bảng kê thuế hàng tháng, bao gồm:
  - + Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào
  - + Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.Căn cứ để lập các bảng kê trên là hoá đơn GTGT
- Thứ ba: Kê khai thuế phải nộp hàng tháng.  
Hàng tháng, kế toán tổng hợp số thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra, xác định số thuế GTGT phải nộp hoặc chưa được khấu trừ, trên cơ sở đó lập tờ khai thuế GTGT, kèm với bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra để nộp cho cơ quan thuế.
- Thứ tư: Vào sổ kế toán và lập báo cáo thuế.

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra

và các chứng từ gốc khác như phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có...đề vào các sổ chi tiết tài khoản 133 và 3331, đến cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ chi tiết để lên sổ cái tài khoản 133 và sổ cái tài khoản 3331 hoặc tổng hợp số liệu trên sổ tổng hợp rồi lên sổ cái. Số liệu trên sổ cái được sử dụng để lên báo cáo thuế hàng năm.

Trên đây là toàn bộ nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT, tuy nhiên trên thực tế, kế toán thuế GTGT còn phải làm nhiều nhiệm vụ khác như: lập giấy xin chi tiền ngân hàng để nộp thuế, lập các báo cáo nội bộ gửi Ban Giám Đốc... Cho dù phải thực hiện toàn bộ công việc kế toán thuế GTGT hoặc chỉ làm một phần trong đó thì yêu cầu mỗi cán bộ kế toán phải có một trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, khách quan, trung thực... bởi vì kế toán thuế GTGT rất khó nhưng cũng rất dễ, đòi hỏi cán bộ kế toán thuế phải biết dung hoà giữa chế độ và qui định của Nhà Nước với yêu cầu của chủ doanh nghiệp.

### **1.5.2. Chứng từ kế toán sử dụng**

Các chứng từ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Hoá đơn GTGT
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra
- Tờ khai thuế GTGT
- Quyết toán thuế GTGT
- ...

Các hoá đơn chứng từ trên đều có mẫu thống nhất của Bộ Tài Chính, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn có thể đăng ký với cơ quan thuế để tự in hoá đơn theo mẫu của riêng mình cho phù hợp với hoạt động của đơn vị, các hoá đơn mà doanh nghiệp tự in gọi là hoá đơn đặc thù, không một doanh nghiệp nào giống doanh nghiệp nào.

### **1.5.3. Tài khoản kế toán sử dụng**

Kế toán thuế GTGT được phản ánh trên tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ” và tài khoản 3331 “Thuế GTGT phải nộp” kết cấu của 2 tài khoản này như sau:

**1.5.3.1. Tài khoản 133 – Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

➤ Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ.

Kết cấu:

Nợ	TK133	Có
<p><u>SPS tăng</u>: Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tăng trong kỳ.</p>		<p><u>SPS giảm</u>: Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ giảm trong kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khấu trừ thuế GTGT</li> <li>- Hoàn thuế GTGT</li> <li>- Phân bổ thuế GTGT</li> </ul>
<p><u>SDCK</u>:- Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ đến cuối kỳ.</p>		

TK 133 có 2 TK cấp II:

- TK 1331-Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- TK1332- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của TSCĐ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi mua sắm TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

➤ **Nguyên tắc hạch toán:**

- TK 133 chỉ được sử dụng cho đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Vật tư, hàng hoá, tài sản mua vào sử dụng đồng thời cho hoạt động chịu

thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào TK 133 đối với vật tư, hàng hoá mua vào để sử dụng cho hoạt động chịu thuế GTGT.

Trong hợp không bóc tách được giá trị vật tư hàng hoá sử dụng cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào vẫn được phản ánh vào TK133, cuối kỳ kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng. Phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn bán hàng (nếu sản phẩm đã được tiêu thụ hết) hoặc phản ánh vào TK1421 “chi phí trả trước”.

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai, khấu trừ với thuế GTGT đầu ra của tháng đó, nếu thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra phải nộp thì khấu trừ theo số nhỏ hơn, số còn lại được khấu trừ tiếp ở kỳ sau. Nếu sau 3 kỳ liên tiếp không khấu trừ hết thì Ngân sách sẽ hoàn thuế.

- Nếu mua hàng hoá, dịch vụ không có hoá đơn GTGT theo qui định hoặc có hoá đơn nhưng không ghi rõ thuế GTGT hoặc hoá đơn không hợp lệ thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

➤ **Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu**

1. Mua hàng hóa, vật tư, dịch vụ trong nước dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 152, 153, 156, 611

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

2. Khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ dùng ngay vào SXKD. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ kế toán phản ánh giá mua thực tế chưa có thuế GTGT đầu vào và tổng giá thanh toán

Nợ TK 142, 154, 242, 642

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331



3. Khi mua hàng hóa giao ngay(chuyển thẳng) cho khách hàng không qua nhập kho kế toán ghi:

Nợ TK 632

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

- Mua TSCĐ không qua lắp đặt, chạy thử:

Nợ TK 211

Nợ TK 133(2)

Có TK 111, 112, 331

- Mua TSCĐ qua lắp đặt chạy thử:

Nợ TK 241

Nợ TK 133(2)

Có TK 111, 112, 331

- Mua bất động sản đầu tư:

Nợ TK 217

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

4.Đối với vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua về dùng đồng thời cho SXKD hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT nhưng DN không hạch toán riêng được thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

- Khi mua hàng hóa ghi:

Nợ TK 152, 153, 156, 611

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

- Khấu trừ theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa doanh thu hàng chịu thuế so với doanh thu phát sinh trong kỳ, sau khi tính được số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ kế toán ghi:

+ Số thuế được khấu trừ:

Nợ TK 3331

Có TK 133

+ Số thuế không được khấu trừ:

- Nếu số thuế không được khấu trừ nhỏ thì tính hết vào giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632

Có TK 133

- Nếu số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ lớn thì được phân bổ dần

Nợ TK 142, 242

Có TK 133

- Sang kỳ sau, kế toán tiến hành phân bổ vào giá vốn

Nợ TK 632

Có TK 142, 242

5. Trường hợp hàng mua phải trả lại cho người bán

- Khi xuất kho trả lại cho người bán:

Nợ TK 331

Có TK 152, 153, 156

Có TK 133

- Trường hợp người bán trả lại bằng hàng hóa khác:

Nợ TK 152, 153, 156

Nợ TK 133

Có TK 331

- Trường hợp người bán trả bằng tiền:

Nợ TK 111, 112

Có TK 331

6. Đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào để xuất khẩu được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào khi đảm bảo có đủ điều kiện, thủ tục và hồ sơ để khấu trừ hoàn thuế đầu vào theo qui định hiện hành:

Nợ TK 111, 112: Số thuế GTGT được hoàn

Có TK 133: Thuế GTGT được hoàn

**1.5.3.2. Tài khoản 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp**

➤ Nội dung: Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp.

Kết cấu:

Nợ	TK 3331	Có
<p><u>SPS giảm</u>: Khấu trừ thuế GTGT</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuế GTGT được miễn giảm</li> <li>- Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN.</li> <li>- Số thuế GTGT</li> </ul>		<p><u>SPS tăng</u>: Số thuế GTGT phải nộp tăng trong kỳ</p>
<p><u>SDCK</u>: Số thuế GTGT đã nộp thừa vào Ngân sách</p>		<p><u>SDCK</u>: Số thuế GTGT còn phải nộp đến cuối kỳ</p>

TK 3331 có 2 TK cấp III:

- TK 33311- Thuế giá trị gia tăng đầu ra của hàng hóa, dịch vụ: Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp, số thuế giá trị gia tăng đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp của hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

- TK 33312 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hàng nhập khẩu: Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách.

➤ **Nguyên tắc hạch toán:**

Doanh nghiệp chủ động tính thuế, kê khai thuế phải nộp hàng tháng và nộp thuế đúng thời gian qui định theo thông báo của cơ quan thuế.

➤ **Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu**

1. Khi bán hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, căn cứ vào

hóa đơn GTGT kế toán phản ánh doanh thu bán hàng là tổng số tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ chưa có thuế GTGT và thuế GTGT đầu ra ghi:

Nợ TK 111, 112, 331: Tổng giá thanh toán

Có TK 511, 512: Giá chưa có thuế GTGT

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

2. Khi bán hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng là tổng giá thanh toán, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112, 131

Có TK 511, 512

3. Đối với cơ sở kinh doanh trực tiếp bán lẻ hàng hóa, cung ứng dịch vụ...không có hóa đơn

Nợ TK 111, 112, 131

Có TK 511, 512

4. Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT khi phát sinh chiết khấu thương mại hay giảm giá hàng bán cho khách hàng mua với số lượng lớn do mua hàng nhiều lần của doanh nghiệp, kế toán ghi:

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại

Nợ TK 532: Giảm giá hàng bán

Nợ TK 3331:

Có TK 111, 112, 331

Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán sang tài khoản doanh thu:

Nợ TK 511

Có TK 521, 532

**1.5.3.3. Xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, số thuế GTGT phải nộp và kết chuyển số thuế GTGT không được khấu trừ**

- Cuối kỳ kế toán tính và xác định số thuế GTGT được khấu trừ, không được khấu trừ trên cơ sở phân bổ theo tỷ lệ doanh thu:

$$\text{Thuế GTGT được khấu trừ} = \frac{\text{Doanh số bán hàng chịu thuế GTGT (doanh thu chưa thuế)}}{\text{Tổng doanh số bán ra trong kỳ}} \times \text{Tổng thuế GTGT phát sinh trong kỳ}$$

Trong đó:

$$\text{Tổng doanh số bán ra trong kỳ} = \text{Doanh số bán hàng chịu thuế GTGT} + \text{Doanh số bán hàng không chịu thuế GTGT (gồm có thuế TTĐB)}$$

Sau khi xác định được số thuế GTGT được khấu trừ và số thuế GTGT không được khấu trừ kế toán ghi:

- Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ:

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (TK 33311)

Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ.

- Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 133 – thuế GTGT được khấu trừ

Nếu số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ có giá trị lớn, được phân bổ vào giá vốn của nhiều kì kế toán ghi:

Nợ TK 142 – chi phí trả trước

Có TK 133 – thuế GTGT được khấu trừ

Định kì phân bổ vào giá vốn hàng bán ghi:

Nợ TK 632 – giá vốn hàng bán

Có TK 142 – chi phí trả trước

- Số thuế GTGT phải nộp vào NSNN được xác định như sau:

$$\text{Thuế GTGT phải nộp trong kỳ} = \text{Thuế GTGT đầu ra phát sinh trong kỳ} - \text{Thuế GTGT đã được khấu trừ} - \text{Thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại}$$

Nếu số thuế GTGT đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào bằng với số thuế GTGT đầu ra trong kì đó, số

thuế GTGT đầu vào còn lại sẽ được xét khấu trừ tiếp vào các kỳ tính thuế sau hoặc được xét hoàn thuế theo chế độ quy định.

Khi nộp thuế vào NSNN kế toán ghi:

Nợ TK 3331: thuế GTGT phải nộp

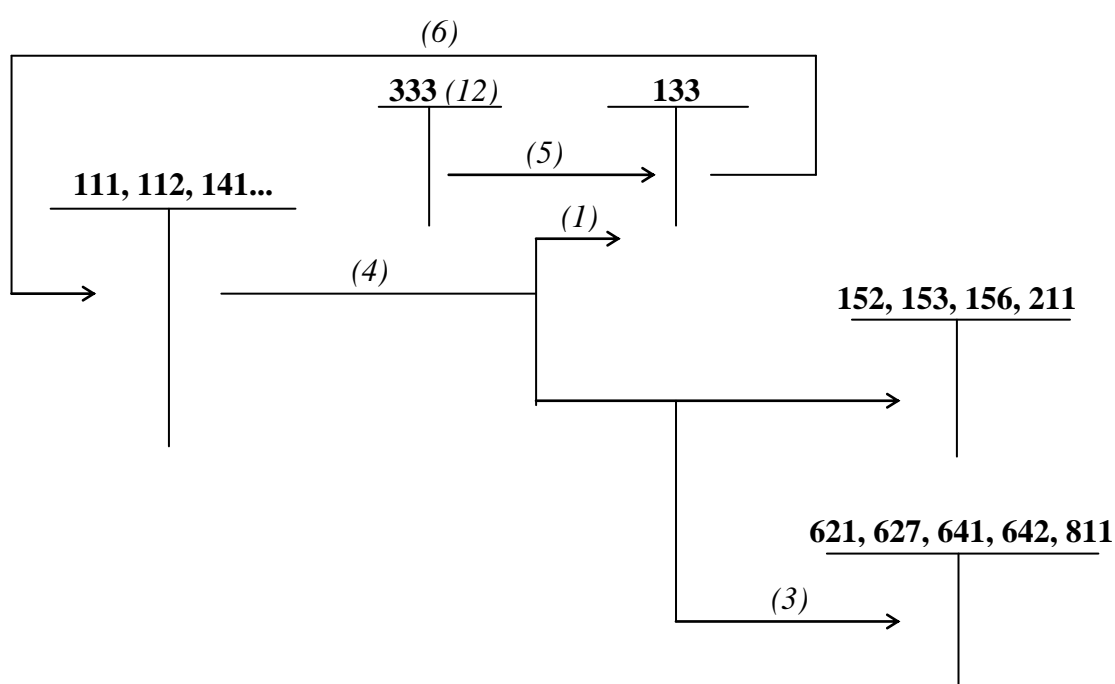
Có TK 111, 112.

### 1.5.4. Trình tự kế toán

#### 1.5.4.1. Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp khấu trừ

a) Hạch toán thuế GTGT đầu vào:

Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu vào được thể hiện trên sơ đồ sau:

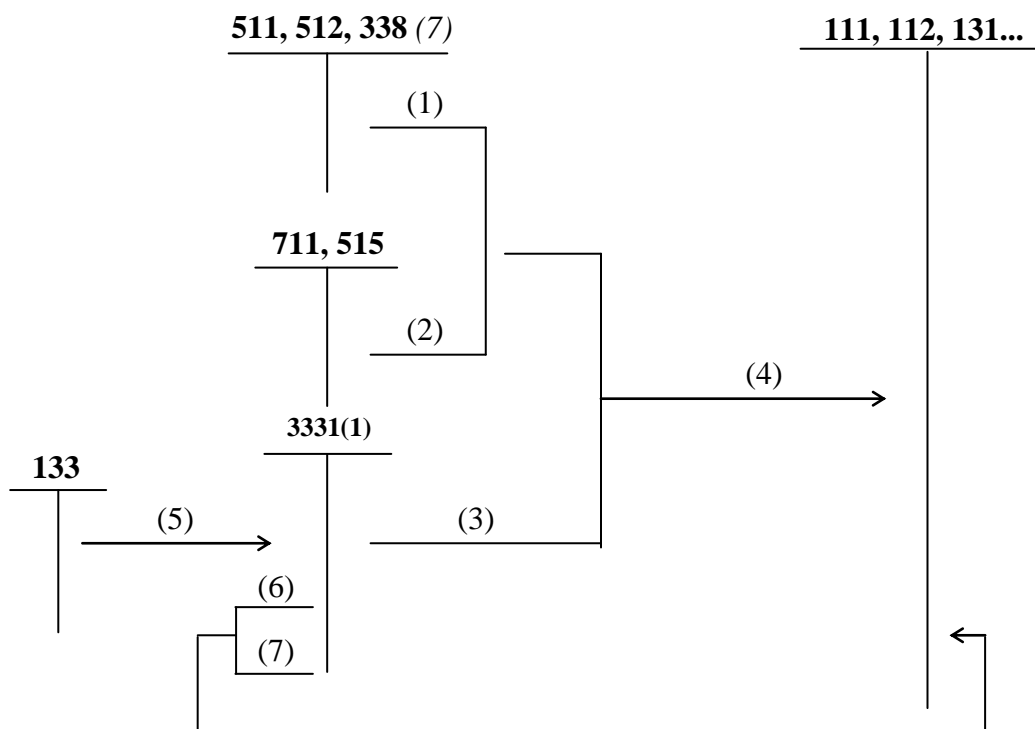


#### **Ghi chú:**

- (1) Thuế GTGT đầu vào.
- (2) Trị giá mua chưa có thuế của hàng hóa, vật tư, TSCĐ... nhập kho.
- (3) Trị giá mua chưa có thuế của vật tư, hàng hóa đưa vào sử dụng ngay.
- (4) Tổng giá thanh toán.
- (5) Thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp được khấu trừ.
- (6) Thuế GTGT được giảm trừ hoặc được hoàn trả đã nhận.

b) Hạch toán thuế GTGT đầu ra:

Quá trình hạch toán thuế GTGT đầu ra được thể hiện trên sơ đồ sau:



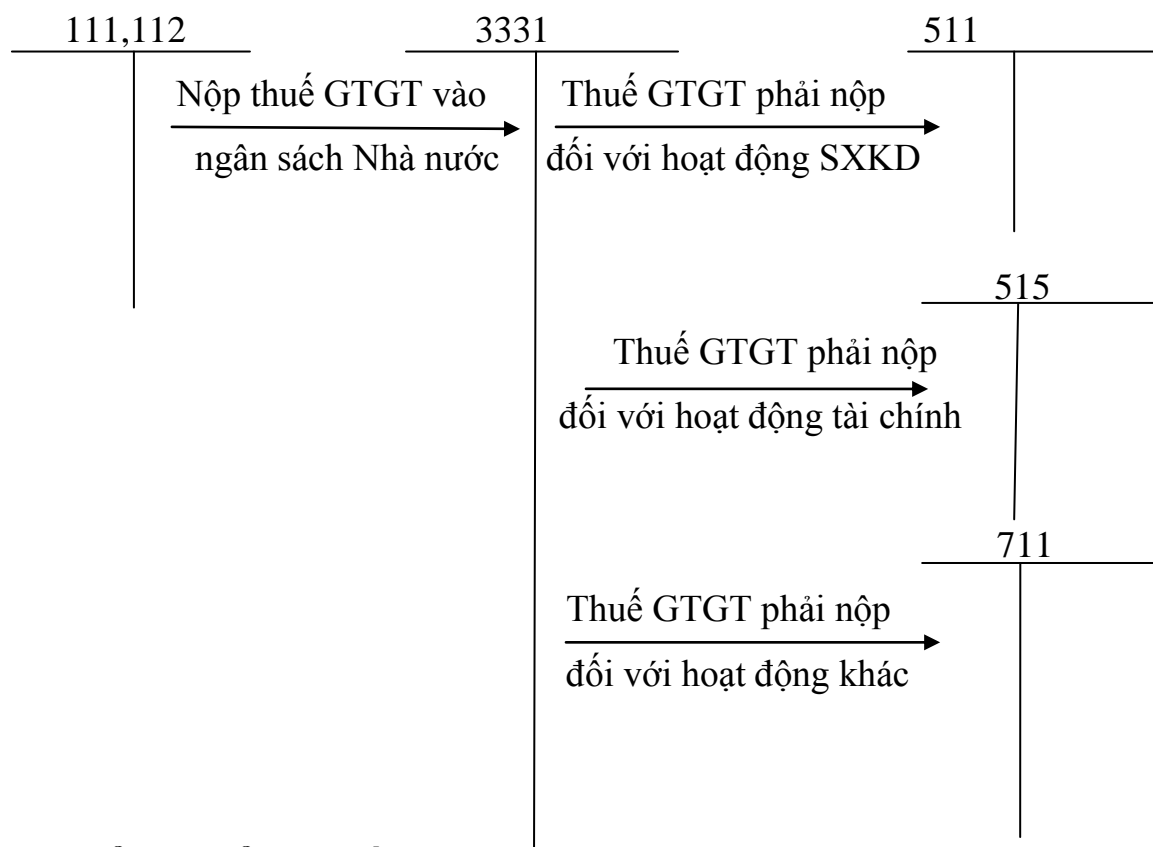
**Ghi chú:**

- (1) Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.
- (2) Thu nhập khác, doanh thu hoạt động tài chính.
- (3) Thuế GTGT đầu ra.
- (4) Tổng giá thanh toán.
- (5) Khấu trừ thuế GTGT.
- (6) Thuế GTGT giảm trừ đã hoàn trả.
- (7) Nộp thuế GTGT vào ngân sách.

#### **1.5.4.2. Đơn vị nộp thuế theo phương pháp trực tiếp**

Quá trình hạch toán vẫn thực hiện như đối với phương pháp thuế trừ thuế nhưng trong quá trình hạch toán không xuất hiện TK 133 và TK 33311 do đó giá trị hàng hóa phản ánh trên các tài khoản 156, 151, 157, 511, 512, 515, 711... là giá đã có thuế GTGT.

**Cuối kỳ sau khi xác định số thuế phải nộp, kế toán hạch toán theo sơ đồ:**

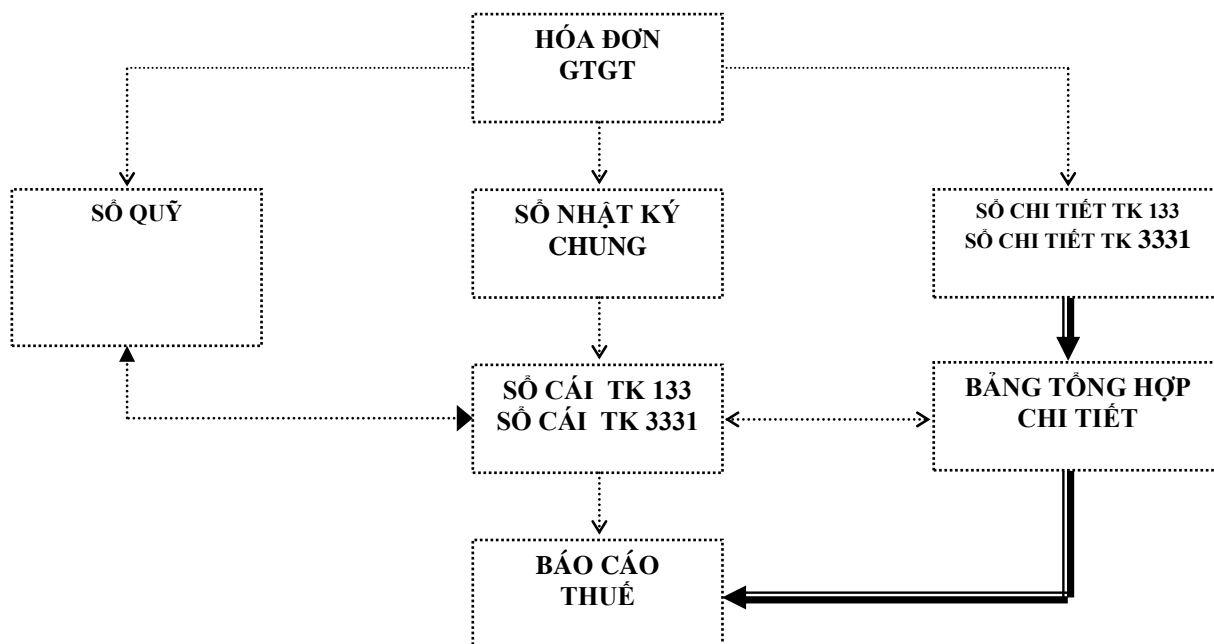


**1.5.5. Tổ chức sổ sách kế toán**

Theo mỗi hình thức kế toán khác nhau, sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thuế giá trị gia tăng cũng khác nhau. Quy trình ghi sổ diễn ra như sau:



Theo hình thức Nhật ký chung:



Tùy theo quy mô của từng doanh nghiệp cũng như tính phức tạp trong công tác kế toán, doanh nghiệp có thể mở thêm các sổ chi tiết liên quan đến kế toán thuế GTGT như sổ chi tiết theo dõi thuế đầu vào, sổ chi tiết theo dõi thuế đầu ra, sổ theo dõi thuế GTGT phải nộp, được khấu trừ... Tuy nhiên phải đảm bảo sự thống nhất và hợp lý trong tổ chức sổ kế toán để nâng cao hiệu quả trong việc tổ chức bộ máy kế toán và để công việc hạch toán kế toán thực sự là một công cụ quản lý kinh tế hữu hiệu của doanh nghiệp Việt Nam trong tiến trình hội nhập hiện nay.

**PHẦN II:**  
**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA**  
**TĂNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINASHINE**

**2.1. Giới thiệu khái quát về công ty Cổ phần Vinashine**

**2.1.1. Giới thiệu về công ty Cổ phần Vinashine**

Công ty Cổ phần Vinashine được cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh lần đầu vào ngày 14 tháng 10 năm 2006, đăng kí thay đổi lần thứ năm vào ngày 11 tháng 2 năm 2009 (giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 2203000694).

Công ty Cổ Phần Vinashine là một doanh nghiệp cổ phần có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có tài khoản mở tại Ngân hàng... Có nhiệm vụ cung cấp vận tải và dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa thủy bộ tại Quảng Ninh và các tỉnh lân cận.

**Thông tin về công ty:**

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VINASHINE
- Tên công ty giao dịch bằng tiếng Anh:

VINASHINE JOINT STOCK COMPANY

- Tên công ty viết tắt: VNS
- Trụ sở chính: Tòa nhà VinaShine - Số 260 phường Quang Trung – Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh.
- Loại hình công ty: Công ty Cổ phần
- Telephone: 0336268666
- Fax: 0336268666
- Mã số thuế: 5700613219
- Tài khoản ngân hàng: 17000146720102 tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Sài Gòn - chi nhánh Quảng Ninh.
- Vốn điều lệ: 13.630.000.000 VNĐ

**2.1.2. Ngành nghề kinh doanh**

- Vận tải và dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa thủy bộ.
- Dịch vụ đại lý kinh doanh cảng biển cảng sông.
- Cung cấp thiết bị máy móc mua bán sửa chữa phương tiện thiết bị giao thông vận tải thủy bộ.

- Xây dựng công trình, san lấp mặt bằng, kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa - xúc tiến thương mại.
- Kinh doanh vật tư thiết bị vật liệu cơ khí, vật liệu điện, nhiệt điện.
- Xây dựng trang trí nội ngoại thất, khuôn viên, kinh doanh cây xanh cây cảnh.
- Kinh doanh điện tử viễn thông điện lạnh.
- Kinh doanh du lịch, nhà hàng khách sạn, nhà ở, văn phòng, khu du lịch vui chơi giải trí.
- Cung cấp dây truyền thiết bị, sản xuất kinh doanh nước sạch, nước uống đóng chai.

### **2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty**

#### **\* Thuận lợi:**

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn được sự chỉ đạo quan tâm của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và sự giúp đỡ của các Ban ngành Tỉnh Quảng. Đảng và Nhà nước đã ban hành chính sách đổi mới, hội nhập và cải cách hành chính tạo môi trường kinh doanh lành mạnh hơn, Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO, đây là cơ hội để Công ty hội nhập với quốc tế, tiếp xúc với máy móc thiết bị hiện đại, môi trường làm việc hiệu quả và các nhà đầu tư tiềm năng. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo về chuyên môn, rèn luyện trưởng thành trong quá trình hoạt động của Công ty, số đông cán bộ trẻ, luôn năng động và sáng tạo, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao là những yếu tố thuận lợi cơ bản của Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh.

#### **\* Khó khăn:**

Bên cạnh những thuận lợi, Công ty cũng gặp không ít những khó khăn và thử thách. Thị trường thế giới luôn biến động và giá xăng dầu tăng cao đã tác động đến năng lực kinh doanh của Doanh nghiệp. Việt Nam là một thành viên trong tổ chức thương mại thế giới cũng là thách thức đối với doanh nghiệp.

Công ty không chỉ phải cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước mà còn phải cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài luôn có ưu thế về vốn và khoa học kỹ thuật cũng như trình độ quản lý. Đời sống của cán bộ công nhân viên gặp khó khăn do giá cả tiêu dùng tăng cao.

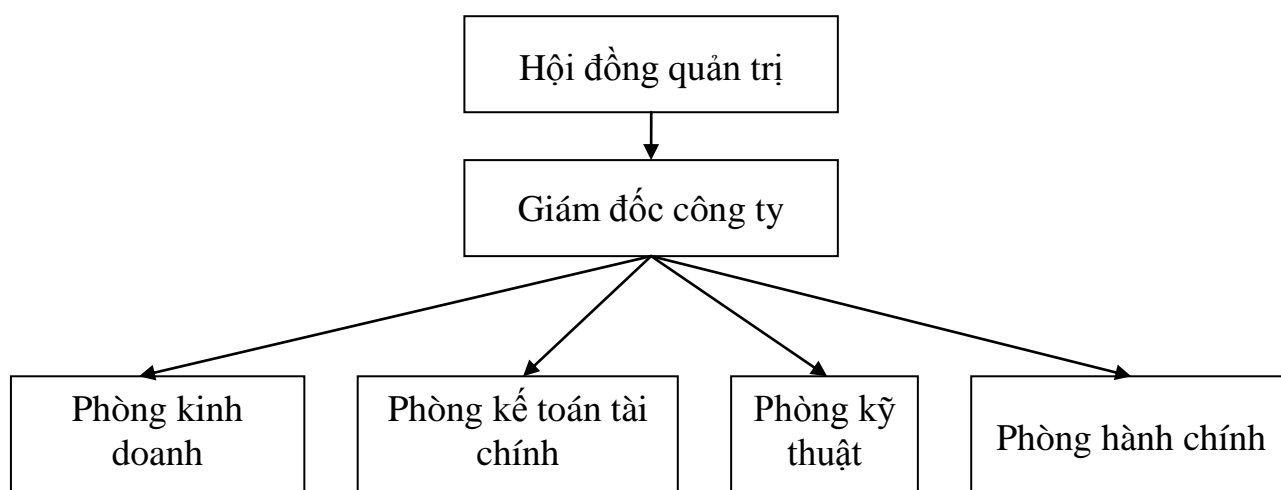
**2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý**

**Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty**

Tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp là một vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, Công ty cổ phần Vinashine luôn quan tâm đến việc kiện toàn bộ máy quản lý sao cho phù hợp với năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng, từ Giám đốc công ty đến các phòng, phân xưởng, đội. Qua đó chức năng quản lý được chuyên môn hoá, tận dụng được năng lực của các cán bộ chuyên viên đầu ngành trong từng lĩnh vực. Các quyết định của bộ phận chức năng chỉ có ý nghĩa về mặt hành chính đối với các bộ phận trực tuyến khi đã thông qua người lãnh đạo cao nhất hay được người lãnh đạo cao nhất uỷ quyền. Các phân xưởng bố trí thực hiện nhiệm vụ sản xuất từ trên đưa xuống đảm bảo chất lượng được giao.

**SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY**



*Hội đồng quản trị:* Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp. *Hội đồng quản trị* là cơ quan thông qua chủ trương, chính sách đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong việc phát

triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra ban quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

*Giám đốc:* Giám đốc là người đứng đầu Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và toàn bộ cổ đông về hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về kế hoạch, mục tiêu, chiến lược sản xuất kinh doanh và điều hành, kiểm tra các hoạt động của Công ty.

*Phòng kinh doanh:* Có nhiệm vụ lập kế hoạch, tiếp thị, khai thác nguồn hàng, phụ trách công tác hợp đồng.

*Phòng Kế toán tài chính:* Có chức năng tổ chức thực hiện ghi chép, xử lý cung cấp số liệu về tình hình kinh tế, tài chính, phân phối và giám sát các nguồn vốn bằng tiền, bảo toàn và nâng cao hiệu quả nguồn vốn.

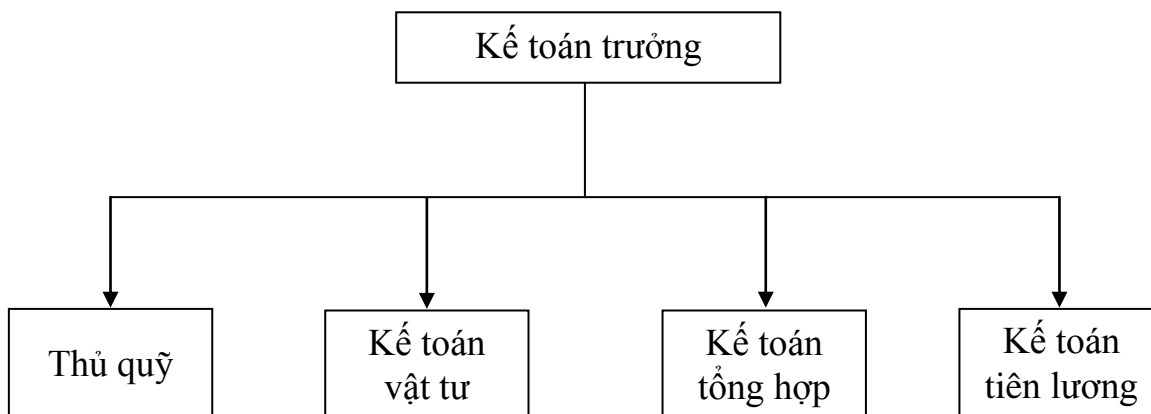
*Phòng tổ chức Hành chính quản trị:* Thực hiện công việc quản lý nhân sự như tuyển dụng lao động, giải quyết chính sách, chế độ cho người lao động thực hiện công tác quản trị hành chính.

*Phòng Khoa học Kỹ thuật - An toàn:* Có nhiệm vụ kiểm tra kỹ thuật, mua sắm vật tư đảm bảo kịp thời. Kiểm tra việc thực hiện quy trình công nghệ, cải tiến, nâng cao năng suất và hiệu quả công việc. Có kế hoạch đào tạo nhân lực, phân bậc trình độ để sử dụng các nhân viên kỹ thuật vào những vị trí hợp lý, hiệu quả.

### **2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần Vinashine**

Bộ máy kế toán công ty được tổ chức theo hình thức tập trung toàn bộ công việc kế toán của công ty được thực hiện tại phòng kế toán, tại các đội ở kho hàng, đội cơ giới, không bộ phận kế toán riêng, họ chỉ có nhiệm vụ xử lý các chứng từ ban đầu, định kỳ phải gửi lên phòng kế toán. Phòng kế toán có nhiệm vụ kiểm tra phân loại các chứng từ ban đầu, xử lý ghi vào sổ sách kế toán, hệ thống hóa số liệu, thực hiện các báo cáo tài chính định kỳ theo tháng, theo quý năm để cung cấp thông tin kế toán cho các cổ đông nhà lãnh đạo công ty từ đó đưa ra những định hướng cụ thể về kinh tế tài chính cho công ty. Đồng thời, có nhiệm vụ cung cấp thông tin cho các bộ, ban ngành có liên quan, cơ

quan thuế và các đối tác bên ngoài. Thực hiện các quyết toán tài chính với các cơ quan quản lí Nhà nước theo quy định. Mở đầy đủ các sổ sách kế toán và ghi chép hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán hiện hành.



**SƠ ĐỒ: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN**

Toàn bộ phòng kế toán - tài chính có 5 cán bộ công nhân viên được tổ chức thành 2 phòng là phòng kế toán trưởng và phòng kế toán. Mỗi thành viên trong phòng được phân công những nhiệm vụ cụ thể như sau:

**Kế toán trưởng**

Là người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, các cổ đông, giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đôn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

**Thủ quỹ**

Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu, chi các chứng từ thanh toán đã được phê duyệt, thu tiền hàng, tiền cước phí bến bãi, trả lương cho cán bộ công nhân viên.

**Kế toán vật tư**

Có trách nhiệm quản lí thống kê, theo dõi số lượng vật tư nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện mức tiêu hao nguyên vật liệu. Hàng tháng tiến hành ghi sổ các vật tư nhập vào và xuất ra

*Kế toán tổng hợp*

Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu, do các bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập các bút toán kết chuyển lúc cuối kì. Lập báo cáo tháng, quý, năm, lập báo cáo tài chính.

*Kế toán tiền lương*

Là nhiệm vụ tính tiền lương bao gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo những quy định chung (đối với khối lao động gián tiếp lương tính trên phần trăm doanh thu thu được, đối với khối lao động trực tiếp lương tính theo sản phẩm). Hàng tháng tính đến các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ).

**2.1.5.2. Chế độ kế toán áp dụng**

1. Niên độ kế toán: Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hằng năm.

2. Báo cáo tài chính của công ty được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam

4. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các thông tư sửa đổi, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

5. Hình thức sổ kế toán áp dụng: **Sổ nhật kí chung**

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hoá.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Tính giá theo PP Bình quân cuối kỳ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính theo quyết định 206/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12/12/2003.

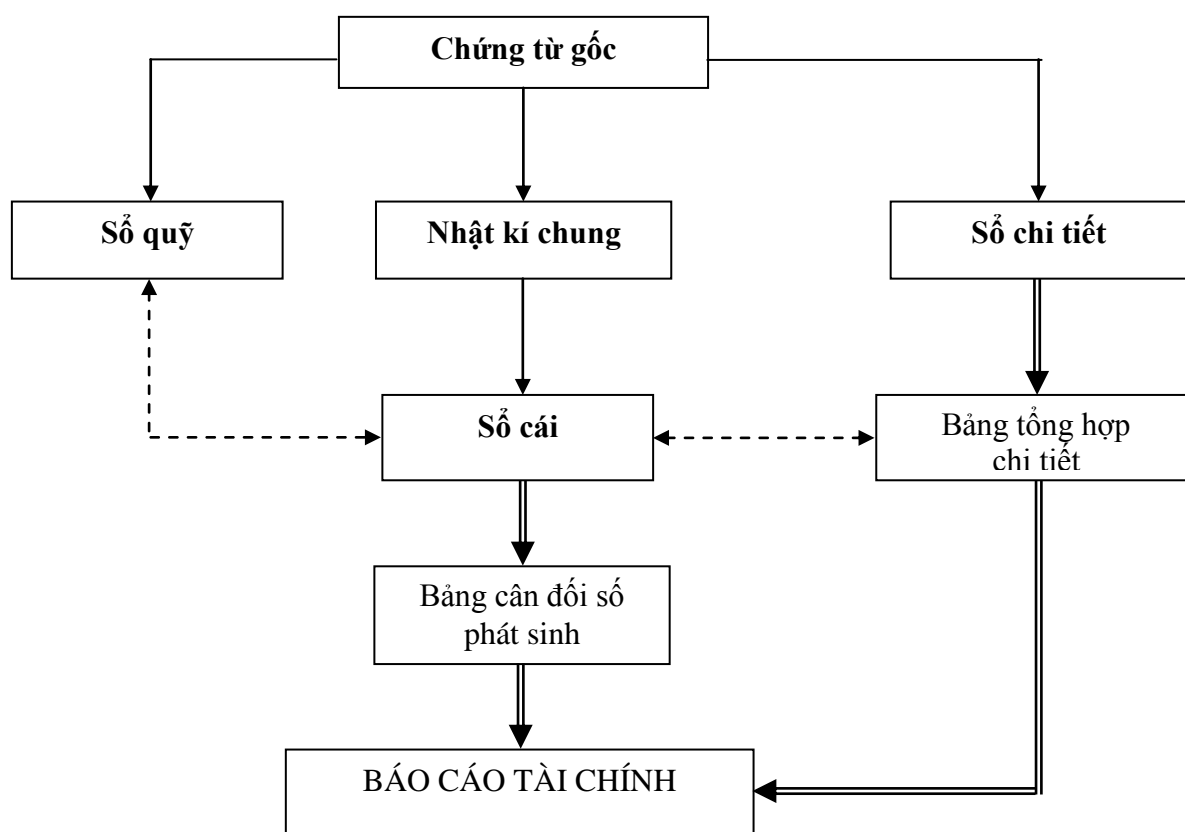
**2.1.5.3. Hình thức kế toán**

Để phù hợp với tình hình thực tế hoạt động kinh doanh và thuận tiện cho công tác quản lý, công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản
- Các sổ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty thể hiện theo sơ đồ sau:



*SƠ ĐỒ: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN*

Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kì (cuối tháng, cuối quý)
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra



## **2.2. Tình hình thực hiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty Cổ phần Vinashine**

### **2.2.1. Các mức thuế suất được áp dụng**

Công ty Cổ phần Vinashine hiện nay đang áp dụng mức thuế suất 10%

Mức thuế suất 10% là mức thuế suất được áp dụng với các mặt hàng, dịch vụ của Công ty

Đối với hàng hóa dịch vụ mua vào:

- Bia, rượu, café, bánh kẹo các loại, điện, dầu diesel, dầu DO, dầu nhớt, LCD SamSung

- Các dịch vụ như: dịch vụ bưu điện, bưu chính viễn thông và Internet

- Cước vận tải, phí dịch vụ thanh toán, phí đăng kiểm, phí đường thủy nội bộ

Đối với dịch vụ bán ra:

- Cước vận tải

### **2.2.2. Hạch toán ban đầu**

Công ty áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ do vậy Công ty thực hiện đầy đủ hoá đơn chứng từ theo quy định của Nhà nước.

- Hoá đơn GTGT mẫu số 01 GTKT gồm 3 liên:

Liên 1: Lưu

Liên 2: Giao cho khách hàng

Liên 3: Nội bộ

- Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01 GTGT.

- Bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào và bán ra theo mẫu quy định của Bộ tài chính và các chứng từ hoá đơn đặc thù khác.

Dưới đây là một số chứng từ phản ánh một số nghiệp vụ chủ yếu của Công ty liên quan đến thuế GTGT

#### **2.2.2.1. Chứng từ đầu vào**

**Ví dụ:**

✓ Ngày 25/02/2010: Hóa đơn GTGT số 0034628 do Công ty TNHH

Thương mại và Vận tải Minh Đức cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán Dầu Diesel cho Công ty Cổ phần Vinashine, với giá chưa thuế 52.181.818VNĐ, thuế suất 10%, phí xăng dầu 2.000.000VNĐ

✓ Ngày 28/02/2010: Hóa đơn GTGT số 0034631 do Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Minh Đức cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán Dầu Diesel và nhớt cho Công ty Cổ phần Vinashine, với giá chưa thuế 141.459.089VNĐ, thuế suất 10%, phí xăng dầu 5.150.000VNĐ

✓ Ngày 28/02/2010: Hóa đơn GTGT số 0059333 do Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hoàng Hải cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán LCD SamSung LA-40R550 cho Công ty Cổ phần Vinashine, với giá chưa thuế 14.000.000VNĐ, thuế suất 10%.

✓ Ngày 28/02/2010: Hóa đơn GTGT số 0034655 do Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Minh Đức cung cấp. Nội dung hóa đơn là cước vận tải than tháng 02/2010 tuyến Điện Công – Hòn Nét và tuyến Bến Cân – Hòn Nét cho Công ty Cổ phần Vinashine, với giá chưa thuế 79.870.850VNĐ, thuế suất 10%.

**HÓA ĐƠN**

Mẫu số: 01 GTKT -3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**RE/2009B**

Liên 2: Giao cho khách hàng

**0034628**

*Ngày 25 tháng 02 năm 2010*

Đơn vị bán hàng:.....	Công ty TNHH T.Mại Và Vận Tải Minh Đức
Địa chỉ:.....	Khu ĐTMĐT Minh Tân, Kinh Môn - HD
Số tài khoản:.....	MST: 0800311283
Điện thoại:.....	

Họ tên người mua hàng: **Bùi Mạnh Cường**

Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần Vinashine**

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: **CK MS: 5700613219**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1,	Dầu Diesel	lít	4000	13045,45	52.181.818
	Phí xăng dầu				2.000.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>52.181.818</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>		<b>Tiền thuế GTGT:</b>		<b>5.218.182</b>	
<b>Tổng cộng thanh toán:</b>					<b>59.400.000</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn</b>					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu)	

(Trích nguồn số liệu: phòng Kế toán)

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01/GTKT - 3LL  
**RE/2009B**  
**0034631**

Liên 2: Giao cho khách hàng  
*Ngày 28 tháng 02 năm 2010*

Đơn vị bán hàng:.....  Địa chỉ:.....  Số tài khoản:.....  Điện thoại:.....	Công ty TNHH T.Mại Và Vận Tải Minh Đức  Khu ĐTMĐT Minh Tân, Kinh Môn - HD  MST: 0800311283	
--	--	--

Họ tên người mua hàng: **Bùi Mạnh Cường**

Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần Vinashine**

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: **CK MS: 5700613219**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1,	Dầu Diesel	lít	10.300	13045,45	134.368.180
2,	Nhớt	lít	01	7.090.909	7.090.909
	Phí xăng dầu				5.150.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>141.459.089</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>		<b>Tiền thuế GTGT:</b>			<b>14.145.911</b>
<b>Tổng cộng thanh toán:</b>					<b>160.755.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: <b>Một trăm sáu mươi triệu bảy trăm năm mươi năm ngàn đồng chẵn</b>					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu)	

(Trích nguồn số liệu: phòng Kế toán công ty)

**HÓA ĐƠN**

Mẫu số: 01 GTKT -3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**RE/2009B**

Liên 2: Giao cho khách hàng

**0034655**

*Ngày 28 tháng 02 năm 2010*

Đơn vị bán hàng:.....	Công ty TNHH T.Mại Và Vận Tải Minh Đức	
Địa chỉ:.....	Khu ĐTMĐT Minh Tân, Kinh Môn - HD	.....
Số tài khoản:.....	MST: 0800311283	
Điện thoại:.....		

Họ tên người mua hàng: **Bùi Mạnh Cường**

Tên đơn vị: **Công ty Cổ phần Vinashine**

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: **CK MS: 5700613219**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Cước vận tải than T02/2010				
1,	Tuyến Điện Công – Hòn Nét	Tấn	960,16	39.940	38.348.790
2,	Tuyến Bến Cân – Hòn Nét	Tấn	924,15	44.930	41.522.060
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>79.870.850</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:</b>					<b>7.987.085</b>
<b>Tổng cộng thanh toán:</b>					<b>87.857.935</b>
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi bảy triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm ba năm đồng					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu)	

(Trích nguồn số liệu: phòng Kế toán công ty)

**2.2.2.2. Chứng từ đầu ra**

**Ví dụ:**

✓ Ngày 11/02/2010: Hóa đơn GTGT số 0048113 do Công ty Cổ phần Vinashine cung cấp cho Công ty Kho Vận Hòn Gai – TKV. Nội dung hóa đơn là thanh toán cước vận tải tàu LUCKY CLOUD theo biên bản số 200/BBTT – ĐHTT ngày 11/02/2010, với giá chưa thuế là 52.888.721VNĐ, thuế suất 10%

✓ Ngày 24/02/2010: Hóa đơn GTGT số 0048114 do Công ty Cổ phần Vinashine cung cấp cho Công ty Kho Vận Hòn Gai – TKV. Nội dung hóa đơn là thanh toán cước vận tải tàu JING PENG HAI theo biên bản số 205/BBTT – ĐHTT ngày 24/02/2010, với giá chưa thuế là 47.639.066VNĐ, thuế suất 10%

✓ Ngày 26/02/2010: Hóa đơn GTGT số 0048115 do Công ty Cổ phần Vinashine cung cấp cho Công ty Kho Vận Hòn Gai – TKV. Nội dung hóa đơn là thanh toán cước vận tải tàu DOOWOO HONG KONG theo biên bản số 218/BBTT – ĐHTT ngày 26/02/2010, với giá chưa thuế là 99.635.690VNĐ, thuế suất 10%

✓ Ngày 27/02/2010: Hóa đơn GTGT số 0048116 do Công ty Cổ phần Vinashine cung cấp cho Công ty Kho Vận Hòn Gai – TKV. Nội dung hóa đơn là thanh toán cước vận tải tàu HONG TAI theo biên bản số 243/BBTT – ĐHTT ngày 27/02/2010, với giá chưa thuế là 48.283.529VNĐ, thuế suất 10%



**HÓA ĐƠN**

Mẫu số: 01 GTKT -3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**RE/2009B**

Liên 3: Nội bộ

**0048113**

*Ngày 11 tháng 02 năm 2010*

Đơn vị bán hàng:.....	CÔNG TY CP VINASHINE	.....
Địa chỉ:.....	Tòa nhà Vinashine-260Quang Trung-UB-QN	.....
Số tài khoản:.....	MST: 5700613219	.....
Điện thoại:.....		.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty Kho Vận Hòn Gai - TKV

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK MS: 5700100256044

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Thanh toán Cước vận tải tàu LUCKY CLOUD theo biên bản 200/BBTT ngày 11/02/2010	Tấn	1655,1	31.955	52.888.721
Cộng tiền hàng:					52.888.721
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					5.288.872
Tổng cộng thanh toán:					58.177.593
Số tiền viết bằng chữ: Năm tám triệu một trăm bảy bảy nghìn năm trăm chín ba đồng					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu)	

(Trích nguồn số liệu: phòng Kế toán công ty)



**HÓA ĐƠN**

Mẫu số: 01 GTKT -3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**RE/2009B**

Liên 3: Nội bộ

**0048115**

*Ngày 26 tháng 02 năm 2010*

Đơn vị bán hàng:.....	CÔNG TY CP VINASHINE	.....
Địa chỉ:.....	Tòa nhà Vinashine-260Quang Trung-UB-QN	.....
Số tài khoản:.....	MST: 5700613219	.....
Điện thoại:.....		.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty Kho Vận Hòn Gai - TKV

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK MS: 5700100256044

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x 2
	Thanh toán Cước vận tải tàu DOOWOO HONG KONG theo biên bản 218/BBTT ngày 26/02/2010	Tấn	3118	31.955	99.635.690
Cộng tiền hàng:					99.635.690
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			9.963.569
Tổng cộng thanh toán:					109.599.259
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm linh chín triệu năm trăm chín chín ngàn hai trăm năm chín					
Người muahàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu)	

(Trích nguồn số liệu: phòng Kế toán công ty)

**HÓA ĐƠN**

Mẫu số: 01 GTKT -3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**RE/2009B**

Liên 3: Nội bộ

**0048116**

*Ngày 27 tháng 02 năm 2010*

Đơn vị bán hàng:.....	CÔNG TY CP VINASHINE	.....
Địa chỉ:.....	Tòa nhà Vinashine-260Quang Trung-UB-QN	.....
Số tài khoản:.....	MST: 5700613219	.....
Điện thoại:.....		.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty Kho Vận Hòn Gai - TKV

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK MS: 5700100256044

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x 2
	Thanh toán Cước vận tải tàu HONG TAI theo biên bản 293/BBTT ngày 27/02/2010	Tấn	1790,6	26.965	48.283.529
Cộng tiền hàng:					48.283.529
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			4.828.352
Tổng cộng thanh toán:					53.111.881
Số tiền viết bằng chữ: Năm ba triệu một tám mươi một nghìn tám trăm tám một đồng					
Người muahàng ( Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu)	

(Trích nguồn số liệu: phòng Kế toán công ty)

### **2.2.3. Quy trình lập tờ khai thuế giá trị gia tăng**

Hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm “Hỗ trợ kê khai thuế” do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp miễn phí cho các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế.

Phần mềm “Hỗ trợ kê khai thuế” cung cấp cho Công ty các chức năng sau:

-Lập tờ khai thuế và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lục kê khai theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật thuế.

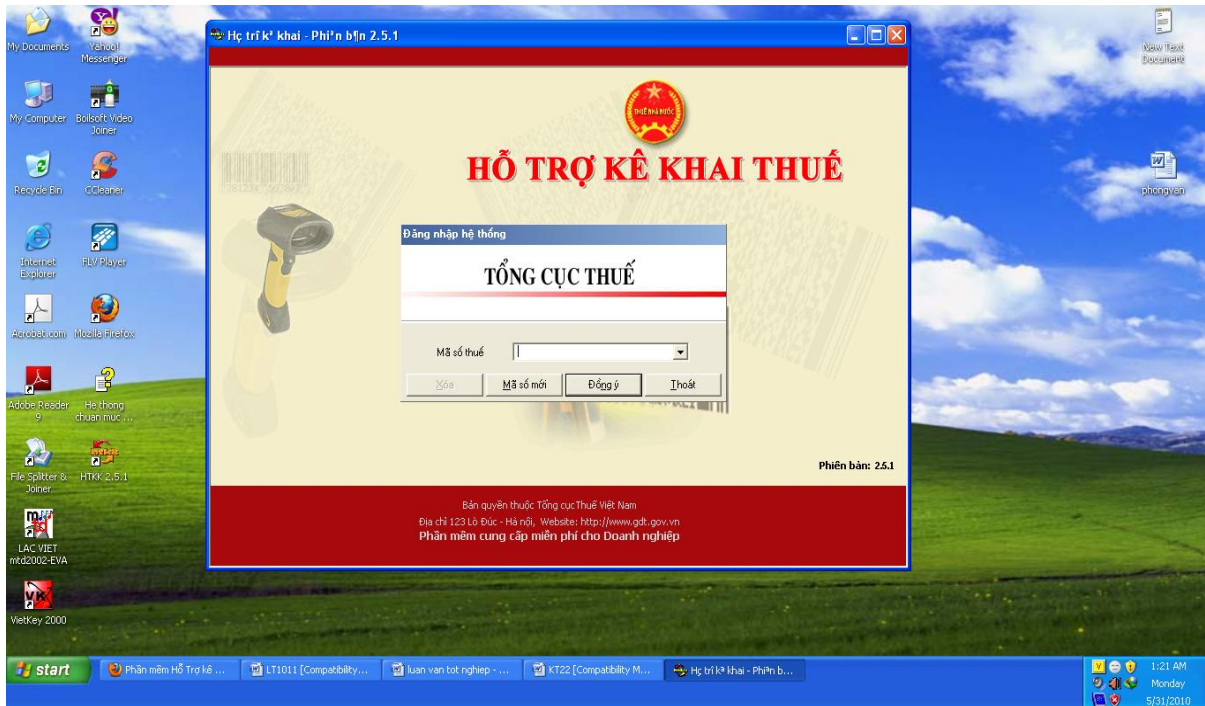
-Các nội dung hướng dẫn việc tính thuế, khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều thuận lợi cho doanh nghiệp kê khai thuế một cách chính xác và nhanh chóng.

Phần mềm này được xây dựng trên cơ sở công nghệ mã vạch 2 chiều (mã hoá thông tin thành các mã vạch) sẽ kết xuất và in các tờ khai thuế có mã vạch để doanh nghiệp gửi tờ khai đó cho cơ quan thuế. Thông qua các mã vạch đã mã hoá thông tin trên tờ khai, cơ quan Thuế đảm bảo sẽ ghi nhận, xử lý thông tin kê khai của tổ chức cá nhân nộp thuế đầy đủ, chính xác và nhanh chóng.

Sau khi kê khai cơ sở kinh doanh cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, ký tên đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành (in thành ba bộ, cơ quan thuế sẽ lưu giữ lại 2 bộ, bộ còn lại sẽ lưu giữ tại Công ty để phục vụ công tác thanh kiểm tra sau này).

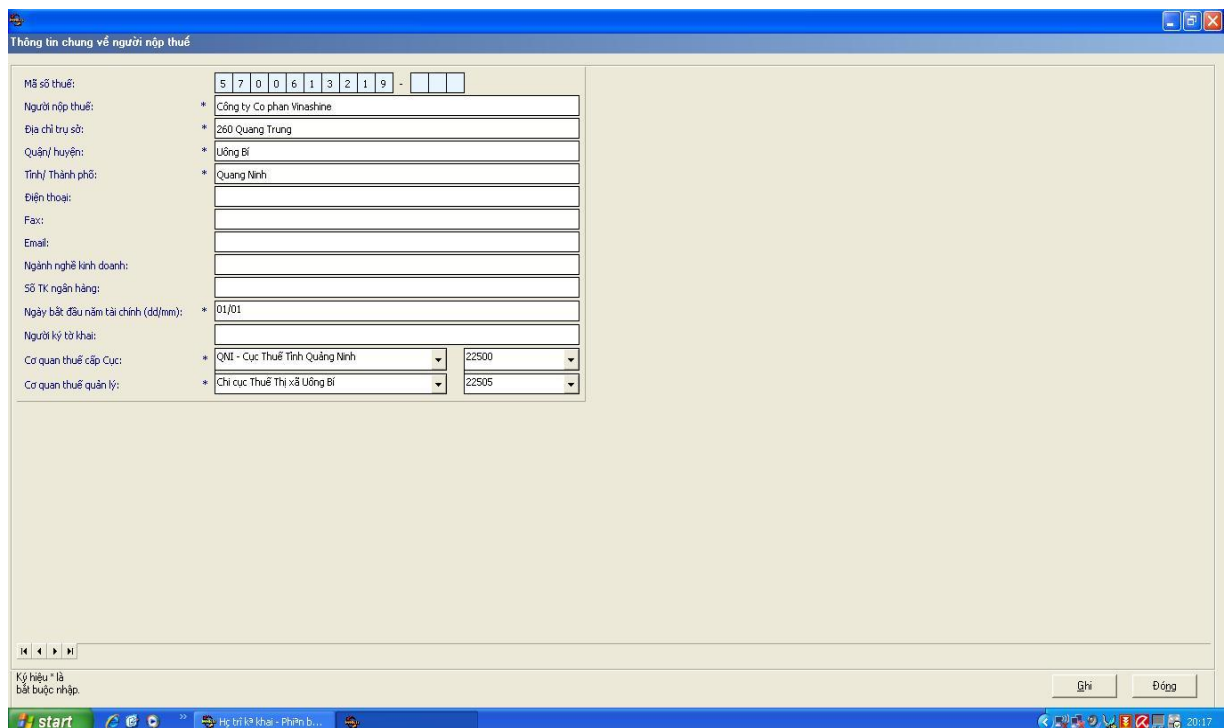
Hiện nay Công ty Cổ phần Vinashine đang sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản 2.5.1.

Dưới đây là những giới thiệu sơ bộ khi sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai:



Sau khi bật phần mềm lên, kế toán viên sẽ thấy giao diện như hình trên. Kế toán sẽ điền mã số thuế của Công ty vào phần “ Mã số thuế “. Sau đó kích chuột vào chữ “ Đồng ý “

Nếu như là lần đầu tiên sử dụng phần mềm sẽ hiện lên giao diện như sau:



Trên giao diện này bắt buộc người sử dụng phải điền đầy đủ thông tin về doanh nghiệp của mình. Một số thông tin bắt buộc như:

- Người nộp thuế: ở đây phải điền là “Công ty Cổ phần Vinashine”
- Địa chỉ trụ sở: ở đây điền là “Số 260 Quang Trung”
- Quận/ huyện: ở đây điền là “Uông Bí”
- Tỉnh/ thành phố: ở đây điền là “Quảng Ninh”
- Điện thoại, fax, email, ngành nghề kinh doanh, số TK ngân hàng, người ký tờ khai có thể bỏ qua.

- Ngày bắt đầu năm tài chính: ở đây điền là “ 01/01 “

- Cơ quan thuế cấp Cục: sẽ có cho mình lựa chọn, tùy theo doanh nghiệp của mình ở tỉnh hay thành phố nào trên toàn quốc, ở đây ta chọn “QNI – Cục thuế tỉnh Quảng Ninh”

- Cơ quan thuế quản lý: sẽ có chi cục thuế các quận và thành phố. Ví dụ như: Chi cục thuế Thành phố Hạ Long, chi cục thuế huyện Bình Liêu... và Cục thuế tỉnh Quảng Ninh. Kế toán chọn Chi cục Thuế Thành phố Uông Bí vì Công ty do chi cục thuế quản lý.

Tiếp đó kế toán kích chuột vào chữ “Ghi” sau khi có dòng chữ “Đã ghi dữ liệu thành công”, kế toán đóng giao diện đó lại bằng cách kích vào chữ “Đóng”.

Ngay sau đó một giao diện mới sẽ hiện ra.



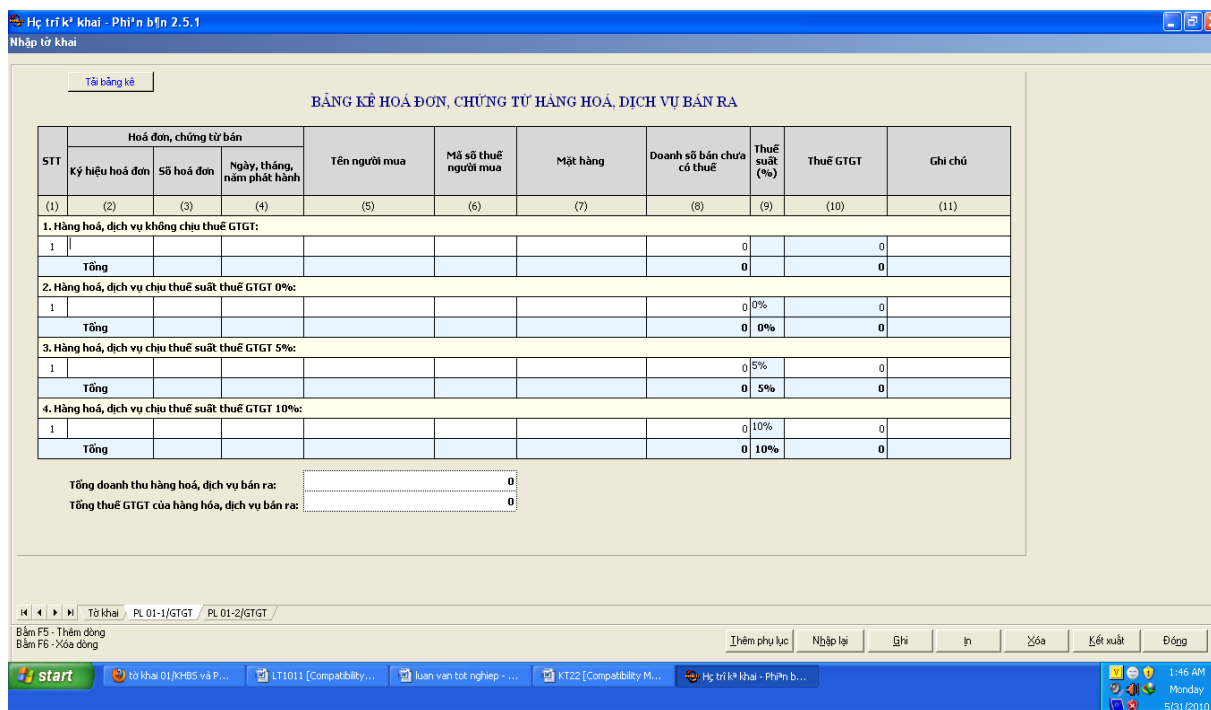
Lúc này kế toán sẽ lựa chọn dòng “ Tờ khai GTGT khấu trừ (01/GTGT).  
Giao diện tiếp theo là:



Ở phần chọn phụ lục kê khai kế toán sẽ chọn “PL 01-1/GTGT” và “PL 01-2/GTGT” rồi kích chuột vào “đồng ý”. Kế toán chỉ sử dụng “PL 01-3/GTGT” sau khi phát hiện Tờ khai thuế giá trị gia tăng mà mình nộp cho cơ quan thuế có sai sót, cần phải điều chỉnh hay bổ sung.

Ở giao diện mới xuất hiện ta sẽ thấy có dòng chữ nhỏ ở phía dưới cùng bên tay trái “ Tờ khai “ , “ PL 01-1/GTGT “ , “ PL 01-2/GTGT “.

Kích chuột vào “ PL 01-1/GTGT “ nếu như muốn kê khai hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.



Tại đây kế toán bắt đầu kê khai các hoá đơn, chứng từ bán ra. Phần này có chia ra thành các phần như sau:

1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%

Khi kê khai lưu ý cần phải điền cho thật chính xác thông tin.

Ví dụ: Ngày 24/02/2010: Hóa đơn GTGT số 0048114 do Công ty Cổ phần Vinashine cung cấp cho Công ty Kho Vận Hòn Gai – TKV. Nội dung hóa đơn là thanh toán cước vận tải tàu JING PENG HAI theo biên bản số 205/BBTT – ĐHTT ngày 24/02/2010, với giá chưa thuế là 47.639.066VNĐ, thuế suất 10%

Kế toán kê khai như sau: vào phần 4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 10%. Điền đầy đủ các thông tin như:

- Ký hiệu hoá đơn: là LK/2009B
- Số hoá đơn: là 0048114
- Ngày, tháng, năm phát hành: là ngày tháng ghi hoá đơn cho khách. Ở đây là 24/02/2010
- Tên người mua: là Công ty Kho Vận Hòn Gai - TKV
- Mã số thuế người mua: 5700100256044

- Mặt hàng: Cước vận tải
- Doanh thu bán chưa có thuế: 47.639.066
- Thuế suất: 10%
- Thuế giá trị gia tăng: 4.763.907

Đến hoá đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai. Nếu hết thì thôi.

Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ “ghi”. Tiếp đó hiện lên dòng chữ “Đã ghi số liệu thành công” Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ “Đóng”. Hoàn thành việc kê khai hoá đơn, chứng từ bán ra.



Hệ trị khai - Phiên bản 2.5.3  
Nhập tờ khai

Tài bảng kê

**BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA**

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:</b>										
1								0	0	
<b>Tổng</b>								<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:</b>										
1								0%	0	
<b>Tổng</b>								<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>0</b>
<b>3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:</b>										
1								5%	0	
<b>Tổng</b>								<b>0</b>	<b>5%</b>	<b>0</b>
<b>4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:</b>										
1	LK/2009B	0048113	11/02/2010	Công ty Kho vận Hòn Gai - TK	5700100256044	Cuộc vận tải	52.888.721	10%	5.288.872	
2	LK/2009B	0048114	24/02/2010	Công ty Kho vận Hòn Gai - TK	5700100256044	Cuộc vận tải	47.639.066	10%	4.763.907	
3	LK/2009B	0048115	26/02/2010	Công ty Kho vận Hòn Gai - TK	5700100256044	Cuộc vận tải	99.635.690	10%	9.963.569	
4	LK/2009B	0048116	27/02/2010	Công ty Kho vận Hòn Gai - TK	5700100256044	Cuộc vận tải	48.283.529	10%	4.828.353	
5	LK/2009B	0048117	28/02/2010	Công ty Kho vận Đá Bạc - TK	5700100256037	Cuộc vận tải	1.082.964.812	10%	108.296.481	
6	LK/2009B	0048118	28/02/2010	Công ty Kho vận Hòn Gai - TK	5700100256044	Cuộc vận tải	49.105.962	10%	4.910.596	
7	LK/2009B	0048119	28/02/2010	Công ty Kho vận Hòn Gai - TK	5700100256044	Cuộc vận tải	48.555.876	10%	4.855.588	
<b>Tổng</b>								<b>1.429.073.656</b>	<b>10%</b>	<b>142.907.366</b>
<b>Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra:</b>							<b>1.429.073.656</b>			
<b>Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra:</b>							<b>142.907.366</b>			

Bàn F5 - Thêm dòng  
 Bàn F6 - Xóa dòng

start | MPEGA.V | AVSEQ10.DAT - Medi... | Hệ trị khai - Phiên b... | 18:15

Kích chuột vào “ PL 01-2/GTGT “, nếu như muốn kê khai hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào.

**BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO**

STT	Hoá đơn, chứng từ, biến lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Doanh số mua chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT:</b>										
1								0	0%	0
<b>Tổng</b>								<b>0</b>		<b>0</b>
<b>2. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT:</b>										
1								0	0%	0
<b>Tổng</b>								<b>0</b>		<b>0</b>
<b>3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT:</b>										
1								0	0%	0
<b>Tổng</b>								<b>0</b>		<b>0</b>
Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào:										0
Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào:										0

Ở phần này, kế toán cũng thực hiện các thao tác y như với phần kê khai bán ra, nhưng hoá đơn là những hoá đơn mua vào.

Học trí k<sup>3</sup> khai - Phi'n b/ln 2.5.1

Nhập tờ khai

Tài bảng kê

**BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO**

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Doanh số mua chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT:</b>										
1	AA/2008T	0209544	13/01/2010	Xí nghiệp xăng dầu Quang Ninh -	5700101690	Dầu Diesel	820.352	10%	82.035	
2	AA/2008T	0209544	13/01/2010	Xí nghiệp xăng dầu Quang Ninh -	5700101690	Phí xăng dầu	32.000			
3	MP/2009T	0074257	16/01/2010	Công ty Xăng dầu Quân đội Khu v	0100108688015	Dầu Diesel	935.455	10%	93.546	
4	MP/2009T	0074257	16/01/2010	Công ty Xăng dầu Quân đội Khu v	0100108688015	Phí xăng dầu	35.000			
5	AA/2009T	110695	18/01/2010	Công ty Xăng dầu Phú Khánh - Tô	4200240380	Dầu Diesel	1.054.546	10%	105.455	
6	AA/2009T	110695	18/01/2010	Công ty Xăng dầu Phú Khánh - Tô	4200240380	Phí xăng dầu	40.000			
7	QN/2009N	192158	27/01/2010	Công ty xăng dầu Phát Lợi	3700364424	Dầu Diesel	1.043.636	10%	104.364	
8	QN/2009N	192158	27/01/2010	Công ty xăng dầu Phát Lợi	3700364424	Phí xăng dầu	40.000			
9	NE/2009B	0058019	28/01/2010	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Anh	5700535306	Bia, rượu, bánh	17.875.000	10%	1.787.500	
10	GE/2005B	0081187	31/01/2010	Công ty TNHH Vân tại Sông Biên T	5700571657	Cuộc vận tải	77.999.465	10%	7.799.947	
11	CP/2009B	0024127	31/01/2010	Công ty Cổ phần Thương mại và T	5700972680	Cuộc vận tải	124.976.783	10%	12.497.678	
12	AA/2008T	0024487	31/01/2010	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp	5700100256037	Than thiêu	13.005.890	10%	1.300.589	
13	RK/2009B	0072691	01/02/2010	Công ty TNHH Thiết bị Vạn phòng	0102133129	Cán đầu 822	70.000	10%	7.000	
14	Phí dịch vụ thanh toán	116	01/02/2010	Ngân hàng Thương mại Cổ phần S	0301437033	Phí dịch vụ thanh toán	15.000	10%	1.500	
15	PCK	154	01/02/2010	Ngân hàng Thương mại Cổ phần S	0301437033	Phí dịch vụ thanh toán	573.818	10%	57.382	
16	AB/08-T-HP	0342415	02/02/2010	Công ty TNHH Metro Cash & Carr	0302249586003	Cafe, bia	1.324.736	10%	132.474	
17	PCK	73	02/02/2010	Ngân hàng Thương mại Cổ phần S	0301437033	Phí dịch vụ thanh toán	10.000	10%	1.000	
18	PCK	86	02/02/2010	Ngân hàng Thương mại Cổ phần S	0301437033	Phí dịch vụ thanh toán	71.727	10%	7.173	
19	PCK	87	02/02/2010	Ngân hàng Thương mại Cổ phần S	0301437033	Phí dịch vụ thanh toán	161.818	10%	16.182	
20	PCK	88	02/02/2010	Ngân hàng Thương mại Cổ phần S	0301437033	Phí dịch vụ thanh toán	57.909	10%	5.791	

Bấm F5 - Thêm dòng  
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

start MP/EGAV Có hay không chuyên... Học trí k<sup>3</sup> khai - Phi'n b... bangkethue.doc - Mic... 19:35

Kế toán chỉ cần kê khai ở trong 2 phụ lục này, dữ liệu sẽ tự nhảy sang Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

Hệ trị kê khai - Phiên bản 2.5.1

Nhập tờ khai

**TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)**  
 Kỳ tính thuế: Tháng 04 năm 2010

Mã số thuế: 0200194627  
 Người nộp thuế: Công ty TNHH 2-9

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ HHDV	THUẾ GTGT
b	Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[16]	0 [17]
<b>2 Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước</b>			
a	Điều chỉnh tăng	[18]	0 [19]
b	Điều chỉnh giảm	[20]	0 [21]
<b>3</b>	<b>Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ((22)=[13]-[19]-[21])</b>		[22]
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		[23]
<b>II Hàng hóa, dịch vụ bán ra</b>			
<b>1</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ ((24)=[26]-[27]; (25)=[28])</b>	[24]	0 [25]
1.1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	0
1.2	<b>Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ((27)=[29]+[30]+[32]; [28]=[31]+[33])</b>	[27]	0 [28]
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 0%	[29]	0
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 5%	[30]	0 [31]
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 10%	[32]	0 [33]
<b>2 Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước</b>			
a	Điều chỉnh tăng	[34]	0 [35]
b	Điều chỉnh giảm	[36]	0 [37]
<b>3</b>	<b>Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ((38)=[24]+[34]-[36]; [39]=[25]+[35]-[37])</b>	[38]	0 [39]
<b>III Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ</b>			

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

start Local Disk (E:) Windows Media Player luan van tot nghiệp - ... Hệ trị kê khai - Phiên b... Downloads

12:55 PM Monday 5/31/2010

## **2.2.4. Một số qui định chung, nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng**

### **2.2.4.1. Một số qui định chung**

1) Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt như sau:

- “GTGT” là các ký tự viết tắt của cụm từ “giá trị gia tăng”
- “CSKD” là các ký tự viết tắt của cụm từ “cơ sở kinh doanh”
- “HHDV” là các ký tự viết tắt của cụm từ “hàng hóa, dịch vụ”.

2) Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế (tháng... năm...) và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số từ [01] đến [09] như:

- [01]: Kỳ tính thuế: tháng 02 năm 2010
- [02]: Người nộp thuế: Công ty Cổ phần Vinashine
- [03]: Mã số thuế: 5700613219
- [04]: Địa chỉ trụ sở: Số 260 Quang Trung
- [05]: Quận/huyện: Uông Bí
- [06]: Tỉnh/thành phố: Quảng Ninh
- [07]: Điện thoại: (033) 6 268 666
- [08]: Fax: (033) 6 268 666
- [09]: Email:

3) Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam. Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế GTGT. Đối với các chỉ tiêu không có số liệu phát sinh trong kỳ tính thuế thì bỏ trống không ghi. Nếu các chỉ tiêu có kết quả tính toán nhỏ hơn không thì phần số ghi vào Tờ khai được để trong ngoặc (...). Các chỉ tiêu điều chỉnh trên tờ khai phải có Bảng giải trình đính kèm.

4) Tờ khai thuế GTGT gửi đến cơ quan thuế chỉ được coi là hợp pháp khi tờ khai được kê khai theo đúng mẫu quy định, các chỉ tiêu trong tờ khai được ghi đúng và đầy đủ theo các nguyên tắc nêu tại các điểm 1,2,3 mục I này và được người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên, đóng dấu vào cuối tờ khai.

## **2.2.4.2. Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng (mẫu số 01/GTGT)**

### **A- Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ**

Nếu trong kỳ kê khai cơ sở kinh doanh không có các hoạt động mua, bán hàng hoá dịch vụ thì đánh dấu “X” vào ô mã số [10], đồng thời không phải điền số liệu vào các chỉ tiêu phản ánh hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ.

### **B- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang**

Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang được ghi vào mã số [11]

-[11]: 812.742.316

### **C- Kê khai thuế GTGT phải nộp ngân sách Nhà nước**

#### **I- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) mua vào**

Số liệu để kê khai vào các chỉ tiêu của mục này bao gồm hàng hoá dịch vụ mua vào trong kỳ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm thuế GTGT đầu vào của các Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh. Số thuế GTGT đầu vào của Dự án đầu tư được kê khai, theo dõi riêng tại Tờ khai thuế GTGT của Dự án đầu tư (mẫu số 01B/GTGT).

#### **1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ”**

- **Mã số [12]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT, bao gồm giá trị HHDV mua vào trong nước và nhập khẩu.

-[12]: 850.492.330

- **Mã số [13]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ, bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong nước và số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu.

-[13]: 83.215.477

#### **2. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong nước”**

- **Mã số [14]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong nước (giá trị chưa có thuế GTGT) theo chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ.

-[14]: 850.492.330

- **Mã số [15]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế giá trị gia tăng trên các hoá đơn GTGT và các chứng từ đặc thù (do cơ sở kinh doanh tính lại) của hàng hoá dịch vụ mua vào trong nước.

-[15]: 83.215.477

### **3. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu”**

- **Mã số [16]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị của HHDV nhập khẩu trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT)

-[16]: Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [17]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu trong kỳ.

-[17]: Không phát sinh trong kỳ

### **4. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước”.**

- **Mã số [18], [20]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh giá trị của HHDV mua vào (giá trị chưa có thuế GTGT) điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

-[18] [20]: Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [19], [21]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh số thuế GTGT của HHDV mua vào điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

-[19] [21]: Không phát sinh trong kỳ

### **5. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào”**

- **Mã số [22]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước.

-[22]: 83.215.477

### **6. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này”**

- **Mã số [23]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT được khấu trừ.

-[23]: 83.215.477

## **II- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) bán ra**

### **1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ”**

- **Mã số [24]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT), bao gồm HHDV bán ra không chịu thuế GTGT và HHDV bán ra chịu thuế GTGT.

-[24]: 1.429.073.656

- **Mã số [25]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra, tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ đã ghi vào mã số [24]. Số liệu ở mã số này bằng số liệu ghi ở mã số [28].

-[25]: 142.907.366

### **2. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT”**

- **Mã số [26]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ thuộc diện không chịu thuế của cơ sở kinh doanh.

-[26]: Không phát sinh trong kỳ

### **3. Chỉ tiêu “Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT”**

- **Mã số [27]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT.

-[27]: 1.429.073.656

- **Mã số [28]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27].

-[28]: 142.907.366

### **4. Chỉ tiêu "Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%"**

- **Mã số [29]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế GTGT theo thuế suất 0%.

-[29]: Không phát sinh trong kỳ

### **5. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% ":**

- **Mã số [30]:** Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 5%.

-[30]: Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [31]:** Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với



giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 5% đã ghi vào mã số [30].

-[31]: Không phát sinh trong kỳ

**6. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%":**

- **Mã số [32]:** Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 10%.

-[32]: 1.429.073.656

- **Mã số [33]:** Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 10% đã ghi vào mã số [32].

-[33]: 142.907.366

**7. Chỉ tiêu "Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước":**

- **Mã số [34], [36]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm của tổng giá trị của HHDV bán ra (giá trị chưa có thuế GTGT) của các kỳ kê khai trước.

-[34] [36]: Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [35], [37]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm số thuế GTGT của HHDV bán ra của các kỳ kê khai trước.

-[35] [37]: Không phát sinh trong kỳ

**8. Chỉ tiêu "Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra":**

- **Mã số [38]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng giảm của các kỳ kê khai trước.

$$[38] = [24] + [34] - [36]$$

- [38]: 1.429.073.656

- **Mã số [39]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra bao gồm số thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước. Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức:

$$[39] = [25] + [35] - [37]$$

-[39]: 142.907.366

### **III- Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:**

#### **1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT phải nộp trong kỳ”:**

- **Mã số [40]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$[40] = [39] - [23] - [11] \geq 0$$

Trường hợp kết quả tính toán của chỉ tiêu  $[39] = 0$  thì phải ghi số “0” vào kết quả.

#### **2. Chỉ tiêu: “Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này”:**

- **Mã số [41]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức

$$[41] = [39] - [23] - [11] < 0$$

Nếu đã có số liệu để ghi vào chỉ tiêu [41] thì sẽ không có số liệu ghi chỉ tiêu [40].

-[41]: 753.050.427

#### **3. Chỉ tiêu “Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này”**

- **Mã số [42]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà CSKD đề nghị hoàn theo chế độ quy định.

-[42]: Không phát sinh

#### **4. Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau:**

- **Mã số [43]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$[43] = [41] - [42]$$

Kết quả của mã số [43] của tờ khai thuế GTGT kỳ này được dùng để ghi vào mã số [11] của tờ khai thuế GTGT của kỳ tiếp theo.

-[43]: 753.050.427

### **2.2.5. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán**

#### **2.2.5.1. Tài khoản sử dụng**

TK 133: Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

TK 1331: Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hàng hoá, dịch vụ

TK 13311: Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ có hoá đơn

TK 3331: Thuế giá trị gia tăng

TK 33311: Thuế giá trị gia tăng đầu ra

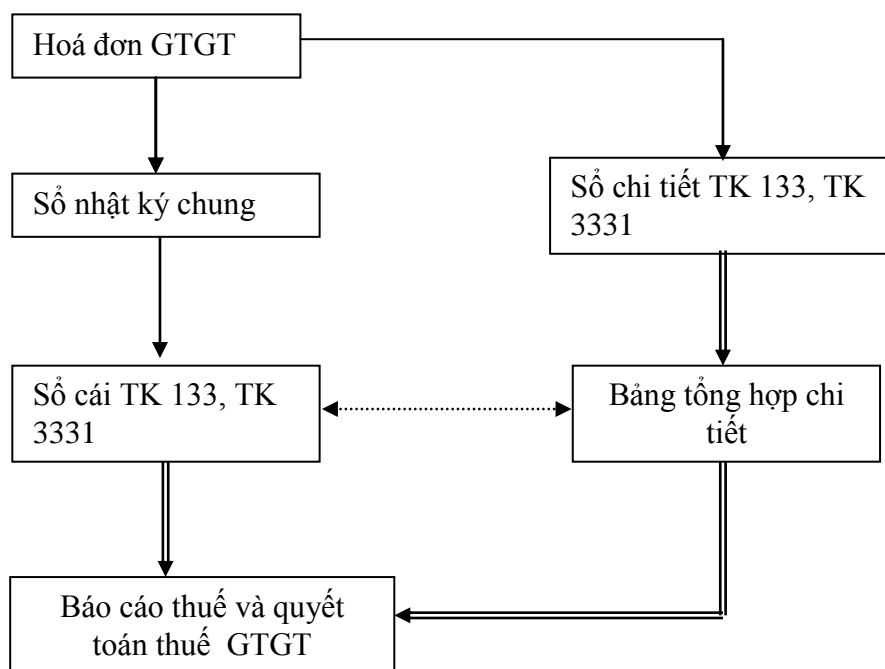
Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Các loại

sổ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản TK 133, TK 3331

**2.2.5.2. Sơ đồ hạch toán**

*Quy trình ghi sổ kế toán được khái quát theo sơ đồ sau*



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ←-----> Quan hệ đối chiếu
- ====> Ghi định kì (cuối tháng, cuối quý)

Số liệu để vào sổ chi tiết tài khoản 133 và sổ chi tiết tài khoản 3331 là hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ của hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra. Hàng ngày khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh vào sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng, kế toán tiêu thụ sẽ căn cứ vào hoá đơn bán hàng (GTGT) để vào sổ chi tiết bán hàng, kế toán thanh toán, kế toán tiền mặt, kế toán ngân hàng sẽ tiến hành vào sổ công nợ, sổ tiền mặt, sổ tiền gửi Ngân hàng sau đó chuyển hoá đơn đến bộ phận kế toán thuế GTGT để vào sổ chi tiết tài khoản 3331. Khi có các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến mua hàng hoá, dịch vụ, kế toán vật liệu sẽ căn cứ vào phiếu nhập kho để và sổ chi tiết vật liệu, kế toán chi phí sẽ căn

cứ vào hoá đơn GTGT để vào sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh, và các bộ phận kế toán thanh toán sẽ căn cứ vào hoá đơn GTGT và phiếu chi để vào sổ chi tiết thanh toán, sổ quỹ tiền mặt... sau đó hoá đơn GTGT được chuyển đến bộ phận kế toán thuế GTGT để vào sổ chi tiết tài khoản 133...

Cụ thể quá trình ghi sổ diễn ra như sau:

Hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tất cả được phản ánh vào sổ nhật ký chung căn cứ vào chứng từ gốc, đồng thời từ các chứng từ gốc, hoặc sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ chi tiết TK 133 và 3331.

Trích mẫu sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản 133, 3331.

### **PHẦN III**

## **MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINASHINE**

### **3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty Cổ phần Vinashine**

Nền kinh tế luôn vận động và phát triển mạnh mẽ. Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, bên cạnh những thuận lợi, Công ty phải đương đầu với không ít khó khăn do những yếu tố khách quan của thị trường và cả những yếu tố chủ quan khác tác động. Mặc dù vậy, công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển, ngày càng khẳng định vị trí của mình trên thị trường.

Trong công tác kế toán: Công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán, đặc biệt là kế toán thuế giá trị gia tăng. Như ta đã biết, kế toán thuế giá trị gia tăng phải tuân thủ theo chuẩn mực kế toán mới nhất cũng như chế độ, chính sách tài chính của Nhà Nước. Một doanh nghiệp cho dù hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nào, thuộc loại hình nào thì cũng phải tuân thủ theo đúng những qui định của Bộ Tài Chính trong việc sử dụng, ghi chép hoá đơn, chứng từ, kê khai thuế, khấu trừ thuế và nộp thuế. Chính vì vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT phải theo hướng phù hợp với chế độ chính sách thuế cũng như chuẩn mực kế toán hiện hành, một mặt để thuận lợi trong công tác quản lý, mặt khác để không vi phạm chính sách quản lý kinh tế của Nhà Nước.

#### **3.1.1. Ưu điểm**

Trong quá trình tìm hiểu các phần hành kế toán tại Công ty Cổ phần Vinashine, em nhận thấy công ty có những ưu điểm sau:

- **Về bộ máy kế toán**
  - ❖ **Đối với công tác kế toán**

Kế toán là một trong những công cụ quan trọng nhất của doanh nghiệp. Kế

toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kinh tế tài chính của công ty và là bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy, Công ty nên nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc giám sát, quản lý hoạt động kinh doanh:

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, phù hợp với đặc điểm và tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Bộ phận kế toán của Công ty đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày một đa dạng của Công ty. Đến nay, hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mình quản lý.

- Bộ máy kế toán được tổ chức sắp xếp tương đối phù hợp với yêu cầu công việc và khả năng trình độ của từng người. Công ty có đội ngũ kế toán viên trẻ, nhiệt tình, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- Kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu các số liệu đảm bảo cung cấp thông tin chính xác cho việc kê khai thuế, khấu trừ thuế, nộp thuế.

#### **❖ Chứng từ, sổ sách áp dụng**

- Các chứng từ kế toán về thuế GTGT như: Hóa đơn bán hàng (GTGT), bảng kê hóa đơn chứng từ của hàng hóa dịch vụ mua vào, tờ khai thuế GTGT... đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và tính pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý.

- Kê khai đầy đủ các hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào cũng như bán ra theo đúng thời gian quy định. Riêng bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào tháng 02/2010 có một vài hoá đơn chứng từ của tháng 01/2010, điều này là hoàn toàn hợp lý bởi theo Luật thuế hiện hành nếu chưa có đầy đủ hoá đơn chứng từ để kê khai trong tháng này thì có thể kê khai vào tháng sau, tối đa không quá 6 tháng, việc kê khai hoá đơn chứng từ của tháng 01 vào bảng kê của tháng 02 là vẫn nằm trong thời gian quy định.

- Công ty đã áp dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản mới nhất trong việc kê khai thuế, giúp cho việc kê khai tương đối thuận tiện, nhanh chóng và chính xác.

- Việc khấu trừ thuế GTGT và nộp thuế GTGT đều thực hiện theo đúng qui định về cách thức tiến hành cũng như thời gian.

➤ **Về bộ máy quản lý**

Chế độ chính sách thuế GTGT thay đổi không ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp vì bản thân doanh nghiệp không phải là đối tượng chịu thuế nhưng sự vận động của nó ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn của doanh nghiệp làm Công ty gặp nhiều khó khăn về vốn, triết lý kinh doanh nhưng với sự sáng suốt của Ban quản trị, Công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển,... với sự nỗ lực đó của Công ty đã nhanh chóng khẳng định vị trí của mình trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

### **3.1.2. Nhược điểm**

Bên cạnh những mặt tích cực cần được phát huy thì công tác kế toán của công ty vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục.

❖ **Về bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán.**

- Tuy bộ máy kế toán của công ty bao gồm những người năng động, nhiệt tình nhưng do sự phân công công việc cho các nhân viên chưa phù hợp. Điều này làm ảnh hưởng đến năng suất, hiệu quả làm việc trong công ty.

- Kế toán thuế là một mảng rất quan trọng trong công tác kế toán của bất kỳ doanh nghiệp nào, nhưng tại Công ty vẫn chưa có một kế toán độc lập phụ trách mảng thuế, kế toán tổng hợp kiêm luôn kế toán về thuế dẫn đến việc theo dõi chặt chẽ là hết sức khó khăn và không khách quan. Nguyên nhân theo em là do việc bố trí nhân viên và phân bổ khối lượng công việc là chưa thực sự hợp lý.

- Đồng thời ngược lại kế toán ghi sổ không cập nhật kịp thời các nghiệp vụ tăng giảm doanh thu dẫn đến việc không phản ánh được kịp các nghiệp vụ tăng giảm thuế.

❖ **Hệ thống sổ sách**

- Tất cả các nghiệp vụ đều được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, Công ty

chỉ mở các sổ chi tiết TK 131, sổ chi tiết TK 331 chứ chưa mở sổ chi tiết TK 133 và sổ chi tiết TK 3331

❖ **Thiếu đối chiếu số liệu giữa Sổ cái và Tờ khai thuế**

- Thiếu đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 133, sổ cái TK 333 với bảng kê và tờ khai thuế. Dẫn đến số liệu không khớp (trong tháng 02/2010 ta thấy số liệu không hề khớp với bảng kê, số phát sinh bên có của sổ cái TK 333: 143.848.991 nhưng chỉ tiêu 39 trên Tờ khai thuế là 142.907.366, chênh lệch 941.625)

❖ **Quyết định hoàn thuế giá trị gia tăng**

- Trên tờ khai số thuế được hoàn còn quá lớn (con số đến tháng 02/2010 là 812.742.316).

❖ **Việc hủy hóa đơn chưa đúng qui định**

- Khi hóa đơn viết sai xé khỏi công đồng thì phải lập biên bản hủy hóa đơn có chữ ký của hai bên để xác nhận nhưng nhiều khi công ty không lập biên bản

### **3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty Cổ phần Vinashine**

#### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng**

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết doanh nghiệp phải hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ phận quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

Kế toán thuế giá trị gia tăng tại doanh nghiệp tuy không ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp vì bản thân doanh nghiệp không phải là đối tượng chịu thuế nhưng sự vận động của nó ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn của doanh nghiệp cho nên xét đến cùng thì nó cũng phần nào ảnh hưởng gián



tiếp đến lợi nhuận kinh doanh. Do đó thuế GTGT là đối tượng quản lý trực tiếp của bất kỳ doanh nghiệp nào kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận.

### **3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng**

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hoàn thiện tổ chức công tác thuế giá trị gia tăng phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán mới nhất do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành những qui định trong việc sử dụng, ghi chép hóa đơn, chứng từ, kê khai thuế, khấu trừ thuế và nộp thuế. Đây là những văn bản có tính bắt buộc. Bởi vậy khi hoàn thiện không vi phạm các qui định hiện hành về thuế. Mặc dù vậy doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng các chính sách, chế độ và chuẩn mực kế toán của Nhà Nước để phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp thấy không phù hợp thì có kiến nghị sửa đổi, bổ sung trong khuôn khổ nhất định và có sự cho phép của cấp có thẩm quyền.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh và trình độ yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý đề ra mục tiêu, xây dựng phương hướng, cách thức thực hiện mục tiêu và chỉ ra những nguồn lực cần thiết để đạt mục tiêu đó.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, ngày càng phát triển. Do đó, không thể tách rời hoạt động của doanh nghiệp với mục đích hạch toán kinh tế

### **3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty Cổ phần Vinashine**

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty mà cụ thể là tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty, về cơ bản em nhận thấy Công ty đều làm đúng theo chế độ kế toán về thuế GTGT, thực hiện việc kê khai thuế, nộp thuế theo đúng như hướng dẫn của cơ quan thuế

Tuy nhiên bên cạnh đó, công tác kê khai thuế GTGT của Công ty vẫn tồn tại những hạn chế. Dựa trên những mặt hạn chế đã nêu và thông qua kiến thức đã được học em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Vinashine

#### **➤ Ý kiến 1: Về tổ chức bộ máy kế toán và hạch toán kế toán**

Để có bộ máy kế toán hoàn chỉnh, hoạt động hiệu quả, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ cho việc lập Tờ khai theo quy định của pháp luật thì cần hoàn thiện bộ máy kế toán và hạch toán kế toán trong công ty.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán đầu tiên phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán. Công ty nên cho nhân viên đi đào tạo thêm về nghiệp vụ kế toán, học các lớp tin học, các khóa học về sử dụng phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý.

Hiện nay, trong thời kỳ kinh tế thị trường, sự ứng dụng khoa học công nghệ đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Để theo kịp thời đại và đáp ứng yêu cầu quản lý, công ty Cổ phần Vinashine nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán.

Trên thị trường hiện nay, có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: Phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, SASINNOVA,...

Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích nghi với nền công nghiệp hiện đại. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ công tác kế toán. Đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công ty.

Ý nghĩa của việc áp dụng phần mềm kế toán vào doanh nghiệp: Phần mềm

kế toán giúp cải thiện hiệu quả làm việc của công ty cho dù công ty là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm kế toán đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng. Phần mềm kế toán giúp tối ưu hóa quá trình kinh doanh để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng hơn. Hơn nữa, nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các chương trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo phục vụ cho kinh doanh.

➤ **Ý kiến 2: Hệ thống sổ sách**

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày đều được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, như vậy khối lượng ghi chép là rất lớn gây khó khăn cho việc theo dõi. Theo em Công ty nên mở thêm một sổ Chi tiết TK 133, Sổ chi tiết TK 3331 để cuối tháng kế toán thuế GTGT có thể lấy số liệu đó để đối chiếu số liệu với Tờ khai thuế

Dưới đây là một số mẫu sổ Chi tiết Công ty nên mở thêm:

Đơn vị:.....  
Địa chỉ:....

**Mẫu số S21**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

ngày 20-/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 3331**

Tài khoản: ...Thuế GTGT phải nộp.....

Đối tượng:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ					
			-Cộng số phát sinh -Số dư cuối kỳ		x x	x x	x x	x x

Sổ này có.....trang, đánh số từ 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ  
(Ký họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm  
Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Đơn vị:.....  
Địa chỉ:....

Mẫu số S21

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

ngày 20-/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 133**

Tài khoản: ... Thuế GTGT được khấu trừ.....

Đối tượng:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ					
			-Cộng số phát sinh -Số dư cuối kỳ		x x	x x	x x	x x

Sổ này có.....trang, đánh số từ 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ  
(Ký họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm  
Giám đốc  
(Ký, họ tên)

tê

➤ **Ý kiến 3: Công ty nên kiểm tra đối chiếu giữa Sổ cái và Tờ khai thuế**

Cần có sự đối chiếu sát sao giữa sổ cái TK 133, TK 333 với bảng kê và Tờ khai thuế, tránh trường hợp không khớp về số liệu. Việc này đòi hỏi kế toán viên cần kiểm tra lại thường xuyên chứng từ gốc nhằm tránh trường hợp bỏ sót nghiệp vụ.

Việc đối chiếu kiểm tra có thể được thực hiện thông qua các mẫu bảng sau:

Niên độ kế toán: Năm 2010

Khoản mục TK 13311 và TK 33311

Tháng	Hạch toán				Kê khai				Chênh lệch	
	VAT đầu vào	VAT đầu ra	Số còn được khấu trừ	Số phải nộp	VAT đầu vào	VAT đầu ra	Số còn được khấu trừ	Số phải nộp	VAT đầu vào	VAT đầu ra
<b>Dư đầu kỳ</b>										
T1/2010										
T2/2010										
T3/2010										
.....										
T9/2010										
T10/2010										
T12/2010										
<b>Cộng</b>										

Số còn được khấu trừ:

Chênh lệch:

Niên độ kế toán: Năm 2010

Khoản mục TK 511

<b>Kê khai</b>			<b>Chênh lệch</b>		<b>Tờ khai</b>		
Doanh thu	VAT đầu ra	Thuế suất	Doanh thu	VAT đầu ra	Doanh thu	VAT đầu ra	Thuế suất

➤ **Ý kiến 4: Hoàn thiện công tác hoàn thuế giá trị gia tăng**

Hiện nay số thuế còn được khấu trừ của doanh nghiệp là khá lớn vì thế công ty cần sớm có tờ trình xin hoàn thuế để tăng vốn lưu động cho doanh nghiệp đồng thời tránh sự nghi ngờ của cơ quan thuế đặt ra với doanh nghiệp tại sao không xin hoàn thuế. Vì thông thường chỉ những doanh nghiệp có sự gian lận trong hoá đơn đầu vào mới để một số thuế được khấu trừ lớn như vậy mà không xin hoàn.

➤ **Ý kiến 5: Kiến nghị về việc hủy hóa đơn**

Khi hóa đơn xé khỏi cuống để hủy thì doanh nghiệp cần kiểm tra việc tiến hành lập biên bản hủy hóa đơn theo đúng quy định.

Biên bản hủy hóa đơn có thể theo mẫu sau:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

**BIÊN BẢN HỦY HOÁ ĐƠN**

- Căn cứ vào hợp đồng ..... ngày .... tháng ... năm ..... ký giữa Công ty ..... và Công ty..... về việc mua bán .....
- Căn cứ vào thực trạng hoá đơn GTGT số ..... ngày .../.../... mà Công ty ..... đã cấp cho Công ty .....
- Hôm nay, ngày ... tháng ... năm .... Tại Trụ sở Công ty ....., Số nhà..... Chúng tôi gồm có:

**BÊN A:** .....

Địa chỉ : .....

Mã số thuế : .....

Do Ông/Bà : ....., Chức vụ: ....., làm đại diện

**BÊN B:** .....

Địa chỉ : .....

Mã số thuế : .....

Do Ông (Bà): ....., Chức vụ: ....., làm đại diện

- Hai bên cùng nhau xác nhận việc huỷ bỏ hoá đơn GTGT số ..... ngày .../.../..... mà Công ty ..... đã cấp cho Công ty .....

**1/ Lý do huỷ bỏ hoá đơn.**

- Do đơn giá ghi trên hoá đơn không đúng theo như hợp đồng đã ký giữa hai bên, và khối lượng còn thiếu.

**2/ Cam kết.**

- Công ty ..... và Công ty ..... cam kết không sử dụng hoá đơn GTGT số ..... ngày .../.../... trong việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Công ty ..... cam kết không kê khai thuế GTGT đầu vào của hoá đơn số ..... của Công ty ..... Nếu có sự sai trái trong việc kê khai thuế của hoá đơn trên, Công ..... hoàn toàn chịu trách nhiệm
- Liên 2 của hoá đơn số ..... được hoàn trả lại cho Công ty .....

Biên bản được lập thành hai bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một bản

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



➤ **Ý kiến 6: Hoàn thiện công tác kiểm tra, hạch toán và luân chuyển chứng từ**

Hóa đơn GTGT công ty mua từ cục thuế Quảng Ninh (chi cục thuế Ưông Bí). Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán thuế quản lý thuế GTGT đầu ra. Kế toán sẽ căn cứ vào hóa đơn xuất ra để quản lý gián tiếp hoạt động của tiêu thụ của các bộ phận trong công ty. Bên cạnh việc quản lý việc xuất hóa đơn kế toán thuế cũng cần chú ý đến nội dung hóa đơn phải đảm bảo ghi đúng, ghi đủ và không ghi tắt những nội dung trên hóa đơn.

Bên cạnh việc quản lý chặt chẽ hóa đơn GTGT đầu ra kế toán thuế cũng cần để ý đến việc quản lý hóa đơn GTGT đầu vào. Công tác kế toán thuế GTGT đầu vào luôn phức tạp hơn công tác kế toán thuế GTGT đầu ra, do đó cán bộ kế toán cần kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của hóa đơn nhằm tránh hiện tượng không được khấu trừ thuế do kê khai không đúng hoặc không đủ hóa đơn chứng từ chứng minh. Cần kiểm tra, đối chiếu thuế suất đầu vào, đầu ra so với mức thuế suất quy định. Cần có sự kết hợp chặt chẽ hơn nữa giữa cơ quan thuế và kế toán thuế Phòng Tài chính – Kế toán của công ty nhằm ngăn chặn và phát hiện hóa đơn giả, và phát hiện gian lận hóa đơn. Ngoài ra, kế toán thuế cần không ngừng nắm bắt thông tin trên phương tiện báo chí, phát thanh truyền hình về hiện tượng có những công ty ma, tránh quan hệ kinh tế mua bán hàng hóa, dịch vụ với những công ty này, bởi những công ty này rất có thể sẽ biến mất khỏi thị trường bất cứ lúc nào và khi ấy cơ quan thuế sẽ không cho khấu trừ thuế GTGT trên những hóa đơn chứng từ do những công ty đó phát hành.

Trên đây là một số những ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán thuế GTGT nói riêng và công tác kế toán thuế nói chung. Tuy nhiên, để đáp ứng tốt yêu cầu đề ra đối với công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Vinashine thì vẫn do sự tác động chính từ hai chiều là chính sách chế độ của Nhà nước và ý thức, năng lực của kế toán Thuế tại công ty. Điều quan trọng nhất vẫn là sự hiểu biết về luật và sự vận dụng linh hoạt từ qui định qui chế vào điều kiện cụ thể của doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay thì yêu cầu đó lại càng được mở rộng.

## KẾT LUẬN

Toàn cầu hoá là xu hướng phát triển tất yếu của thời đại. Chúng ta tiến hành hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới bởi chúng ta không muốn bị tụt hậu. Bên cạnh những thuận lợi do quá trình hội nhập mang lại, chúng ta đã và đang gặp phải rất nhiều khó khăn, thử thách trong cuộc cạnh tranh gay gắt trên thương trường.

Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải tự tìm kiếm các giải pháp để có thể tồn tại và phát triển một cách bền vững, ổn định. Tổ chức tốt công tác kế toán thuế GTGT trong doanh nghiệp là một trong những tiền đề cơ bản để dẫn tới thành công cho các doanh nghiệp trong điều kiện nền kinh tế hiện nay.

Xuất phát từ thực tiễn trên, em đã chọn đề tài “ ***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Vinashine*** ” là luận văn tốt nghiệp. Đề tài này góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề trong Luật thuế GTGT và chế độ kế toán thuế GTGT, góp phần hoàn thiện hơn nữa chế độ kế toán Việt Nam bởi vì đề tài này không chỉ đề cập đến những vấn đề riêng có tại Công ty Cổ phần Vinashine mà còn đề cập đến những vấn đề chung về Luật thuế GTGT và chế độ kế toán thuế GTGT.

Được sự giúp đỡ tận tình của cô giáo – Thạc sỹ Đồng Thị Nga và các cán bộ trong phòng kế toán tài chính của Công ty Cổ phần Vinashine cùng với việc nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tế, em đã cố gắng hoàn thành tốt nhất luận văn tốt nghiệp của mình. Song do giới hạn về thời gian, trình độ cũng như sự hiểu biết còn hạn hẹp nên chuyên đề của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô giáo và các bạn đọc để em có thể hoàn thiện hơn chuyên đề tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo – Thạc sỹ Đồng Thị Nga cùng toàn thể cán bộ, nhân viên trong phòng kế toán Công ty Cổ phần Vinashine đã giúp đỡ em hoàn thiện chuyên đề này.

*Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2011*

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chính sách thuế mới – Nhà xuất bản lao động
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, quyển 2)
3. Luật thuế GTGT số 13/2008/QH 12
4. Thông tư 129/2008/TT-BTC
5. Nghị định 123/2008/NĐ-CP
6. Luật quản lý thuế số 78/2006/QH 11
7. Nghị định 85/2006/NĐ-CP
8. Thông tư 60/2006/TT-BTC
9. Giáo trình Thuế  
*PGS – TS Võ Văn Nhị*  
*TS Trương Thị Thủy*
10. Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp  
*TS Trương Thị Thủy*  
*ThS Nguyễn Thị Hòa*  
*ThS Bùi Thị Thu Hương*
11. Quy trình thực hiện kế toán doanh nghiệp trong xu thế đổi mới, hội nhập và phát triển.  
*GS – TS Nguyễn Đình Đỗ*
12. Các tài liệu khác

...